



FICen

THÔNG TIN

**KHOA HỌC & CÔNG NGHỆ
THỦY SẢN**

RA HÀNG THÁNG

MONTHLY FISHERIES INFORMATION BULLETIN



7

2000

**BỘ THỦY SẢN - MINISTRY OF FISHERIES
TRUNG TÂM THÔNG TIN KHKT VÀ KINH TẾ THỦY SẢN
FISHERIES INFORMATION CENTRE**

**PHÁT HUY THÀNH TÍCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM
TOÀN NGÀNH PHẦN ĐẦU THỰC HIỆN VƯỢT MỨC
CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2000**

TV KHKT TS
số 85
CV 6 85

THÔNG TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THỦY SẢN

MONTHLY FISHERIES INFORMATION BULLETIN

TRONG SỐ NÀY	IN THIS ISSUE
Tin vắn	1 News
Những vấn đề chung	General issues
● Đại hội thi đua ngành thủy sản năm 2000 ● Hội thảo quốc gia lần thứ nhất giới thiệu chương trình SPS ● Chuyển công tác của thứ trưởng Nguyễn Ngọc Hồng tại các tỉnh Nam Định, Quảng Ninh, Thái Bình	● The Emulation Congress of the fisheries sector ● 1st National Information Seminar on Fisheries Sector Program Support (SPS) ● Vice-Minister of Fisheries, Mr. Nguyen Ngoc Hong, visited Nam Dinh, Quang Ninh and Thai Binh provinces
● Một số nét về nghề cá thế giới	● Overview on world fisheries
Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản	Fishing and fisheries resource conservation
● Cá ở quần đảo Trường Sa ● Kỹ thuật câu cá chân rạn ● Tề lặn bắt hải đặc sản non vẫn tiếp diễn ở Bình Thuận	● Fish resources at Spratley archipelago ● Technique of catching fish living near reefs ● Status of catching premature species by diving in Binh Thuan province
● Tìm thi trường cho nghề cá xa bờ	● Market for off-shore fishing
Nuôi trồng thủy sản	Aquaculture
● Các phương thức nuôi ếch ở Trung Quốc ● Nuôi tôm sú bán thâm canh và thâm canh ở đồng bằng sông Cửu Long ● Tỉnh hội nuôi thủy sản Thanh Hoá 6 tháng đầu năm 2000 hoạt động có hiệu quả ● <u>Giới thiệu các công trình nghiên cứu mới</u>	● Methods of farming frog in China ● Semi-intensive and intensive culture of shrimp in the Mekong river delta ● Effective operation of Thanh Hoa Association of Aquaculture in first 6 months of 2000 ● <u>Research projects</u>
Sử dụng tế bào côn trùng Sf9 để nghiên cứu và chẩn đoán nhanh các baculovirus gây bệnh cho tôm	Use of SF9 insect cell line for studying and diagnosing baculo-viruses of shrimp
Bảo quản - Chế biến - Thương mại	Preservation - Processing - Trade
● Hội thi "Bàn tay vàng" chế biến TS lần thứ nhất ● Danh mục hàng thủy sản và thuế suất của Việt Nam để thực hiện hiệp định về ưu đãi thuế quan của các nước ASEAN cho năm 2000 ● Việt Nam ký thỏa ước với Hàn Quốc về kiểm tra chất lượng thủy sản ● EU chấp nhận danh sách 40 doanh nghiệp được phép xuất khẩu vào EU	● 1st "Golden hands" competition on seafood processing ● A list of fishery products and tax rates of Vietnam by the year 2000 ● An agreement on fisheries quality control & hygiene safety between Vietnam & the Republic of Korea ● 40 Vietnamese establishments allowed to export to EU
Khuyến ngư	Fisheries extension
● Tôm - lúa mô hình bảo vệ môi trường và phát triển bền vững kinh tế thủy sản của Sóc Trăng ● Nuôi cá song ● Mở lớp tập huấn nuôi cá tra	● A model of rice-shrimp culture in Soc Trang province ● Culture of groupers ● Training course on catfish culture
Tóm tắt giới thiệu văn bản	Summary of legal documents
● Văn bản mới ban hành ● Việt Nam và Mỹ ký hiệp định thương mại	● New legal document ● A Convention of Trade between Vietnam and USA
Giới thiệu sách mới	Latest books
Tóm tắt bằng tiếng Anh	Summary in English
Toà soạn - Office : 10 Nguyễn Công Hoan, Ba Đình, Hà Nội Telephone : 7716578, 8343182, 7716200 - FAX : 84 - 4 - 7716578	

LÂM ĐỒNG ĐẦU TƯ HƠN 104 TỶ ĐỒNG CHO NUÔI THỦY SẢN. Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng vừa phê duyệt chương trình phát triển nuôi trồng thủy sản từ nay đến năm 2010. Tỉnh sẽ đầu tư hơn 104 tỷ đồng cho chuyển giao kỹ thuật, xây dựng hệ thống ương cá giống theo công nghệ hiện đại, ... nhằm đến năm 2010 đạt sản lượng hơn 5.000 tấn, đáp ứng khoảng 50% nhu cầu thủy sản nước ngọt chất lượng cao cho nhân dân trong tỉnh và khách du lịch.

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH : 90% SỐ HỘ NUÔI TÔM Ở CẦN GIỜ CÓ LÃI. Kết thúc vụ nuôi tôm sú đầu năm nay, 4 xã bắc Cần Giờ có 287 hộ nuôi gần 100 ha tôm, trong đó gần 80% số hộ đã có lãi (từ vài triệu đến hơn 50 triệu đồng/hộ), hơn 10% số hộ hòa vốn, 12% số hộ bị lỗ. Huyện cũng vừa được phê duyệt dự án phát triển 400 ha nuôi tôm công nghiệp tại xã An Thới Đông và Lý Nhơn với vốn đầu tư 80 tỷ đồng, trong đó vốn Nhà nước 25 - 30 tỷ đồng cho xây dựng cơ sở hạ tầng (điện, thủy lợi, đường giao thông ...).

BÌNH THUẬN : 95% SỐ TÀU THUYỀN ĐÁNH CÁ ĐÓNG BẢO HIỂM THÂN TÀU. Tỉnh Bình Thuận có gần 5.000 tàu thuyền đánh cá, khai thác trên 120.000 tấn/năm, trong đó hơn 4.800 chiếc đã đóng bảo hiểm thân tàu. Các tàu cá cũng buộc phải tham gia bảo hiểm người, trang bị phao cứu sinh và máy bộ đàm để liên lạc khi có thông báo phòng tránh bão.

TRÀ VINH GIẢI NGÂN GẦN 72 TỶ ĐỒNG cho 295 hộ ngư dân vay để phát triển khai thác, nuôi trồng thủy sản, thực hiện chuyển đổi cơ cấu thuyền nghề theo hướng đánh bắt xa bờ, giảm áp lực khai thác vùng ven bờ, loại bỏ dần phương tiện nhỏ, lạc hậu, năng suất thấp, góp phần giải quyết việc làm và tăng thu nhập cho ngư dân.

QUẢNG NGÃI : HUYỆN ĐẢO LÝ SƠN ĐƯỢC MÙA CÁ CƠM. Từ giữa tháng 6 đến nay, mỗi ngày có khoảng 400 lao động và trên 350 tàu thuyền của ngư dân ở huyện đảo Lý Sơn tham gia khai thác cá cơm ở ngư trường gần bờ (cách bờ biển Lý Sơn 7 - 8 hải lý). Bình quân mỗi lao động khai thác được 10 - 15 kg/đêm, hiệu quả cao nhất từ đầu vụ tới nay. Theo thời giá hiện tại 10.000 - 15.000 đồng/kg cá cơm, mỗi ngư dân có thu nhập khoảng 100.000 - 150.000 đồng/đêm.

CẦN THƠ : CÁ ĐÔNG LẠNH XK TĂNG 2 LẦN SO VỚI NĂM TRƯỚC. Trong 6 tháng đầu

năm, Cần Thơ đã xuất khẩu gần 1.300 tấn cá đông lạnh sang thị trường Nhật, EU, Mỹ, tăng gấp 2 lần so với cùng kỳ năm ngoái. Các đơn vị xuất khẩu thủy sản chủ lực như CAFATEX, CATACO và gần đây là Nông trường Sông Hậu đã đưa sản lượng cá đông xuất khẩu tăng cao, góp phần nâng kim ngạch xuất khẩu thủy sản của tỉnh hơn 5 tháng qua đạt trên 90 triệu USD.

BẾN TRE : NGHÈU THỊT, NGHÈU GIỐNG ĐƯỢC GIÁ. Tại Bến Tre, nghêu thịt bán ngay trên bãi nuôi loại 60 - 65 con/kg giá 1.200 - 1.400 đồng/kg, gần gấp đôi năm 1999, riêng loại 30 - 35 con/kg bán được 2.500 đồng/kg. Ban quản lý mô nghêu Thạnh Phong (Thạnh Phú) đã khai thác đợt đầu 300 tấn bán cho khách hàng, năm nay sản lượng nghêu thịt ở đây có thể đạt trên 5.000 tấn.

Giá nghêu giống cũng tăng rất cao, nghêu tằm giá 40 - 50.000 đồng/kg (loại trên 100.000 con/kg), gấp 4 lần năm ngoái.

BẾN TRE : SẢN LƯỢNG KHAI THÁC ĐẠT KHẢ NĂNG NHÀ MÁY MUA ÍT. Sáu tháng đầu năm, ngư dân Bến Tre khai thác được hơn 34.500 tấn thủy sản, đạt gần 56% kế hoạch năm, song các nhà máy chế biến chỉ mua gần 3.900 tấn (chiếm khoảng 1/9 sản lượng). Nguyên nhân, các nhà máy chủ yếu chỉ mua tôm, ít mua cá, bởi các cơ sở chế biến còn nhiều hạn chế, phần lớn ngư dân khai thác ở ngư trường các tỉnh lân cận đã bán luôn sản phẩm tại chỗ. Khắc phục tình trạng này, tỉnh Bến Tre đã đầu tư 14 tỷ đồng xây dựng cảng cá ở xã An Thủy (Ba Tri), tháng 10 tới sẽ vào hoạt động.

KIÊN GIANG : ĐẤT RỪNG VÀ ĐẤT NÔNG NGHIỆP BỊ BAO CHIẾM ĐỂ NUÔI TÔM. Gần 1.000 ha trồng rừng và sản xuất nông nghiệp tại ấp Trần Thê (xã Phú Mỹ, huyện Kiên Lương, Kiên Giang) đã bị hơn 200 hộ dân từ nhiều nơi khác đến bao chiếm trái phép để nuôi tôm, làm ảnh hưởng đến quy hoạch sử dụng đất của địa phương, xáo trộn đời sống xã hội trật tự an ninh trong vùng.

CÀ MAU : CHẶT PHÁ CÂY, ĐÀO ĐẤT ĐỂ NUÔI TÔM. Hiện tình trạng chặt phá cây, đào đất rừng để mở rộng diện tích nuôi tôm đang có chiều hướng gia tăng tại khu vực rừng được thuộc huyện Ngọc Hiển, riêng tháng 5/2000 ngành kiểm lâm Cà Mau đã phát hiện hơn 200 vụ phá rừng, trong đó có 50 vụ đào bới đất làm phân, gây hại 4 ha rừng.

Tin : TTXVN

HỘI NGHỊ SƠ KẾT HOẠT ĐỘNG 6 THÁNG ĐẦU NĂM VÀ BÀN BIỆN PHÁP THỰC HIỆN THẮNG LỢI KẾ HOẠCH NĂM 2000 CỦA NGÀNH THỦY SẢN ĐÃ ĐƯỢC TỔ CHỨC NGÀY 14/7/2000 TẠI HÀ NỘI

Báo cáo sơ kết của Vụ Kế hoạch và Đầu tư trình bày và phát biểu của đại diện các cơ quan, địa phương tại Hội nghị đều khẳng định, trong 6 tháng đầu năm 2000, hoạt động của toàn ngành có sự khởi sắc rõ rệt. Các chỉ tiêu kế hoạch đều được thực hiện với tiến độ vượt trội so với cùng thời gian này các năm trước. Tổng sản lượng thủy sản khai thác và nuôi trồng đạt 976.770 tấn, bằng 50,35% kế hoạch năm, tăng 10,6% so với cùng kỳ năm 1999. Đặc biệt, giá trị kim ngạch

xuất khẩu trong 6 tháng là 551 triệu USD, đạt trên 50% kế hoạch cả năm, tăng 34% so cùng kỳ năm trước. Đạt được những kết quả trên, một phần là nhờ những thuận lợi khách quan về điều kiện thời tiết và thị trường tiêu thụ, song phần quan trọng hơn là những yếu tố chủ quan. Một mặt, đó là nỗ lực vượt bậc của bà con ngư dân và của các doanh nghiệp trong sản xuất, kinh doanh; Mặt khác, Nhà nước đã hết sức quan tâm kịp thời tháo gỡ khó khăn vướng mắc về cơ chế chính sách; Công tác quản lý của Bộ, của ngành đã được đổi mới một bước; Các tiến bộ khoa học, kỹ thuật, quản lý được ứng dụng có kết quả.

Kết luận Hội nghị, Bộ trưởng Tạ Quang Ngọc nhấn mạnh, những kết quả đã đạt được trong 6 tháng qua là rất khả quan, nhưng trong thời gian đó vẫn còn bộc lộ nhiều biểu hiện tồn tại, hạn chế, đặc biệt là trong công tác quản lý và sử dụng vốn đầu tư; Hệ thống

quản lý Nhà nước còn trì trệ, nhiều văn bản quản lý ban hành chậm hoặc chậm sửa đổi. Trong 6 tháng cuối năm, còn nhiều khó khăn, bất trắc. Đặc biệt là những biến động khó lường



Bộ trưởng Tạ Quang Ngọc kết luận Hội nghị

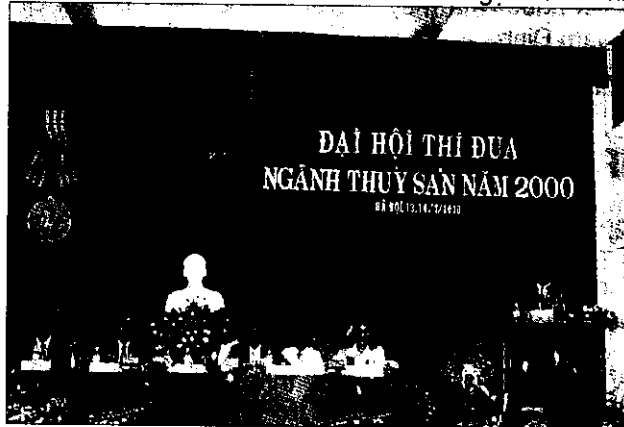
của thời tiết mà dấu hiệu trước mắt là lũ về sớm ở Nam Bộ, khô nóng ở các nước vùng Địa Trung Hải; Tình trạng nguồn lợi còn biến động; Tình hình thị trường còn thất thường v.v... Vì vậy toàn ngành phải tiếp tục nỗ lực phấn đấu, khai thác triệt để mọi cơ hội thuận lợi, khắc phục nhanh nhất những khó khăn, hạn chế, nhằm thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu kế hoạch cả năm 2000, tạo đà cho những năm sau, trước mắt phấn đấu đạt và vượt 1.940 nghìn tấn về sản lượng thủy sản, 1.100 triệu USD kim ngạch xuất khẩu.

H.T

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

ĐẠI HỘI THI ĐUA NGÀNH THỦY SẢN NĂM 2000

Trong hai ngày 13 - 14 tháng 7 năm 2000, Bộ Thủy sản đã tổ chức "Đại hội thi đua ngành thủy sản năm 2000" nhằm tổng kết một cách toàn diện phong trào thi đua của ngành, tôn vinh toàn thể các cán bộ, công nhân viên và lao động nghề cá, mà đại diện tiêu biểu là các tập thể "Đơn vị Anh hùng Lao động", cá nhân "Anh hùng Lao động" và "Chiến sĩ thi đua toàn quốc", các lao động giỏi, điển hình tiên tiến xuất sắc đã đóng góp to lớn vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ đổi mới 1986 - 2000.



Đại hội đã vinh dự được Chủ tịch Nước Trần Đức Lương gửi lẵng hoa chúc mừng. Đồng chí Nguyễn Công Tạn, Phó Thủ tướng Chính phủ, thay mặt Đảng và Nhà nước tham dự và chỉ đạo Đại hội.

Diễn văn khai mạc Đại hội của đồng chí Tạ Quang Ngọc, Ủy viên BCH Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Bí thư Ban cán sự Đảng, Bộ trưởng Bộ Thủy sản, đã nhấn mạnh "... Phát huy những thành quả đã đạt được của các thời kỳ trước, hoà nhập trong công cuộc đổi mới của đất nước, từ năm 1986 đến nay phong trào thi đua trong ngành Thủy sản có nhiều khởi sắc, góp phần vào sự phát triển lớn mạnh, đưa ngành Thủy sản từ một ngành sản xuất nhỏ, lệ thuộc nhiều vào tự nhiên, năng suất, chất lượng, hiệu quả thấp, trở thành một trong những ngành kinh tế mũi nhọn của nền kinh tế quốc dân trong thời kỳ đổi mới theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Trong suốt thời kỳ, tốc độ tăng trưởng về tổng sản lượng thủy sản luôn giữ mức bình quân 4,6 - 5,5%/năm, giá trị kim ngạch xuất khẩu tăng 21 - 22%/năm. Nếu so năm 1999 với năm 1980, tổng sản lượng thủy sản tăng 3,27 lần, giá trị kim ngạch xuất khẩu tăng gần 86 lần. Đến năm 1997, nghề cá Việt Nam đứng thứ 19 về tổng sản lượng, thứ 30 về kim ngạch xuất khẩu và thứ 5 về sản lượng tôm

nuôi trong nghề cá thế giới.

Những thành tựu của ngành thủy sản trong 20 năm qua (1981 - 2000), đặc biệt trong thời kỳ đổi mới 1986 - 2000 đã được khẳng định. Thủy sản đã trở thành một ngành kinh tế quan trọng có triển vọng, đạt tổng sản lượng xấp xỉ 2 triệu tấn, đạt kim ngạch xuất khẩu 1,1 tỷ USD vào năm 2000;

Đó là những thành tích rất đáng tự hào của những người lao động nghề cá giàu truyền thống và cũng giàu sáng tạo trong quá trình đổi mới và hội nhập".

Để ghi nhận thành tích thi đua đặc biệt xuất sắc trong thời kỳ đổi mới, Nhà nước đã phong tặng danh hiệu "Anh hùng Lao động" cho 4 đơn vị và 2 cá nhân :

- Công ty quốc doanh

Đánh cá Kiên Giang.

- Nhà máy Đóng tàu Sông Đào Nam Hà - Nam Định.

- Công ty Xuất nhập khẩu thủy sản An Giang.

- Công ty Chế biến và Dịch vụ thủy sản Cát Hải - Hải Phòng.

- Đồng chí Nguyễn Văn Tân - nguyên giám đốc Công ty quốc doanh Đánh cá Kiên Giang.

- Đồng chí Nguyễn Thị Hồng - thuyền trưởng tàu đánh cá TG 2032-TS, tỉnh Tiền Giang.

Bộ Thủy sản cũng đã hiệp ý với Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trình Nhà nước tiếp tục xét phong tặng danh hiệu "Đơn vị Anh hùng Lao động" cho 6 tập thể và danh hiệu "Anh hùng Lao động" cho 3 cá nhân :



- Xí nghiệp Chế biến thủy súc sản xuất khẩu Cần Thơ.
- Công ty XNK thủy đặc sản thuộc Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam.
- Viện nghiên cứu Nuôi trồng thủy sản 1.
- Công ty XNK thủy sản miền Trung, thuộc Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam.
- Ngành Thủy sản tỉnh Sóc Trăng.
- Công ty Thực phẩm xuất nhập khẩu tổng hợp Sóc Trăng.
- Đồng chí Lê Trọng Cừ, Giám đốc Nhà máy Đóng tàu Sông Đào Nam Hà - Nam Định.
- Đồng chí Nguyễn Văn Kịch, Giám đốc Xí

ng nghiệp Chế biến thủy súc sản xuất khẩu Cần Thơ.

- Đồng chí Trần Mai Thiên, Viện trưởng Viện Nghiên cứu nuôi trồng thủy sản 1.

Cũng trong thời gian qua, Nhà nước đã phong tặng danh hiệu cho một Nhà giáo ưu tú, đang trình đề nghị Nhà nước phong tặng cho 4 Nhà giáo ưu tú, 16 Chiến sĩ thi đua toàn quốc. Ngành cũng đang trình đề nghị Nhà nước tặng 2 Giải thưởng Hồ Chí Minh, 1 Giải thưởng Quốc gia cho các công trình khoa học và các nhà khoa học ngành thủy sản. Trong ngành có 2 Giám đốc được nhận Giải thưởng Sao Đỏ và 4 Giám đốc trẻ khác được đề nghị trao Giải thưởng Sao Đỏ.

H.T

HỘI THẢO QUỐC GIA LẦN THỨ NHẤT GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH SPS

Trong 3 ngày 21, 22, 23 tháng 6 năm 2000 tại Hà Nội, Bộ Thủy sản phối hợp với Đại sứ quán Vương quốc Đan Mạch tại Việt Nam đã tổ chức Hội thảo quốc gia lần thứ nhất nhằm giới thiệu mục tiêu và các nội dung hoạt động của Chương trình " Hỗ trợ chương trình ngành " (Sector Program Support - SPS) do Chính phủ Vương quốc Đan Mạch hỗ trợ cho ngành thủy sản Việt Nam, đã được Chính phủ Việt Nam phê duyệt ngày 9/9/1999 và Hiệp định về Chương trình SPS do hai Chính phủ Việt Nam, Đan Mạch ký kết ngày 1/10/1999 tại Copenhagen, Đan Mạch.

Trong thời gian 5 năm, với tổng kinh phí tương đương hơn 36 triệu đôla Mỹ, SPS sẽ giúp cho việc thực hiện những chính sách và chiến lược, góp phần đạt được những mục tiêu của Chính phủ đặt ra cho ngành thủy sản, hỗ trợ ngành phát triển theo hướng tăng trưởng kinh tế bền vững về môi trường và xã hội theo các tiêu chuẩn quốc tế.

Chương trình SPS bao gồm 5 hợp phần:

1. Tăng cường năng lực của bộ máy quản lý hành chính nghề cá (STOFA), kể cả việc đánh giá nguồn lợi sinh vật biển Việt Nam đang được triển khai trong Dự án ALMRV.
2. Hỗ trợ phát triển nuôi trồng thủy sản nước ngọt (SUFA).
3. Hỗ trợ phát triển nuôi trồng thủy sản nước lợ và nước mặn (SUMA).
4. Hỗ trợ nâng cao chất lượng và xuất khẩu thủy sản (SEAQIP).
5. Hỗ trợ cơ cấu lại ngành thủy sản và phát triển doanh nghiệp (SIREN).

Phạm vi của các hợp phần trên rất rộng. Đặc biệt hợp phần STOFA chú trọng tăng cường năng lực của bộ máy hành chính nghề cá nhằm xây

dựng và thực hiện các chính sách liên quan đến sự phát triển ngành thủy sản bền vững về xã hội và môi trường. Một trong các kết quả thực hiện hợp phần này là xây dựng và đưa vào hoạt động một hệ thống thông tin quản lý toàn diện và các quy trình, thủ tục hành chính có liên quan, nhằm hỗ trợ cho việc lập kế hoạch, ra quyết định và giám sát sự phát triển của ngành thủy sản.

SPS nhấn mạnh đến việc phát triển nuôi trồng thủy sản, dần dần đưa sản lượng thủy sản nuôi trồng tiến kịp và vượt sản lượng thủy sản khai thác tự nhiên. Nuôi trồng thủy sản nước ngọt sẽ được tăng cường thông qua việc chuyển giao công nghệ nuôi sắn có và cải tiến công nghệ sản xuất con giống. Trong nuôi trồng nước mặn và nước lợ, chú ý đến các chính sách phát triển, đặc biệt là hạn chế tác động xấu đến môi trường trong các hoạt động nuôi trồng thủy sản.

Gia tăng xuất khẩu của ngành thủy sản bằng cách hỗ trợ Hiệp hội chế biến và xuất khẩu thủy sản Việt Nam (VASEP) và xây dựng các tiêu chuẩn kỹ thuật đối với sản phẩm thủy sản xuất khẩu của Việt Nam. Chương trình SPS cũng hỗ trợ việc tái cơ cấu lĩnh vực chế biến thủy sản, tư vấn cho các doanh nghiệp tham gia quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước theo chủ trương của Chính phủ.

Về tổ chức thực hiện, SPS có một Ban Chỉ đạo quốc gia Chương trình SPS và một Ban quản lý Chương trình SPS. Mỗi hợp phần có Giám đốc quốc gia, cố vấn trưởng, các chuyên gia Việt Nam và quốc tế và các cán bộ đối tác. Trong giai đoạn đầu, Chương trình SPS sẽ chú trọng tập trung các hoạt động ở những địa bàn khả thi tại 2 tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh và sẽ tiếp tục mở rộng đến các địa bàn khác.

H.T

CHUYỂN CÔNG TÁC CỦA THỨ TRƯỞNG NGUYỄN NGỌC HỒNG TẠI CÁC TỈNH NAM ĐỊNH, QUẢNG NINH, THÁI BÌNH

Từ ngày 11/5/2000 đến ngày 16/5/2000, Thứ trưởng Nguyễn Ngọc Hồng đã đi công tác tại các tỉnh Nam Định, Quảng Ninh, Thái Bình. Cùng đi với Thứ trưởng có Chuyên viên Vụ Kế hoạch và Đầu tư, Vụ Nghề cá và Văn phòng Bộ.

Chuyến công tác của Thứ trưởng tập trung làm việc về phương hướng phát triển ngành thủy sản để chuẩn bị cho Đại hội Tỉnh Đảng bộ của các địa phương; Xây dựng kế hoạch phát triển ngành thủy sản thời kỳ 2001 - 2005; Bàn biện pháp tháo gỡ những vấn đề bức xúc của năm 2000 trong phát triển thủy sản tại các địa phương gắn với việc thực hiện 3 Chương trình kinh tế của ngành; Tình hình thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh trong các lĩnh vực quản lý ngành về khai thác, nuôi trồng, chế biến, xuất nhập khẩu, dịch vụ hậu cần, đầu tư xây dựng cơ bản trong 6 tháng đầu năm 2000; Kiểm tra công tác chuẩn bị phòng, chống lụt, bão và phối hợp tìm kiếm cứu nạn năm 2000; Tình hình thực hiện Chỉ thị 01/1998/CT-TTg ngày 02/01/1998 của Thủ tướng Chính phủ về nghiêm cấm sử dụng chất nổ, xung điện, chất độc trong khai thác thủy sản.

Tại tỉnh Nam Định, Thứ trưởng đã tới thăm và làm việc với lãnh đạo Sở Thủy sản Nam Định, Ủy ban Nhân dân huyện Hải Hậu, Hợp tác xã Đánh cá Đại Thành, Nam Hải thuộc huyện Hải Hậu. Đặc biệt, Thứ trưởng đã làm việc với đồng chí Trần Xuân Am, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Nam Định, hai bên đã trao đổi các vấn đề nhằm đẩy mạnh phát triển kinh tế thủy sản của Nam Định. Thứ trưởng đặc biệt quan tâm tới các vấn đề như: việc quy hoạch, đầu tư phát triển vùng nuôi tôm công nghiệp của tỉnh; vấn đề thu hút nguồn nhân lực, vốn đầu tư, cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý giỏi và công tác đào tạo phục vụ cho phát triển thủy sản.

Tại tỉnh Quảng Ninh, Thứ trưởng đã làm việc với Sở Thủy sản Quảng Ninh, gặp gỡ, trao đổi tình hình thực hiện Chương trình khai thác hải sản xa bờ với một số Giám đốc Công ty, Chủ nhiệm Hợp tác xã đánh cá, đi sâu tìm hiểu các vấn đề khó khăn thực tế hiện nay cho các tàu đánh cá xa bờ, hướng tháo gỡ khó khăn các khó khăn tồn tại, qua đó chỉ rõ các vấn đề cần quan tâm thực hiện ngay như phổ biến, tổ chức các cuộc hội thảo, tập huấn cho ngư dân, kinh nghiệm nghề nghiệp, mua sắm, sử dụng lưới cụ, trang thiết bị trên tàu khai thác xa bờ. Thứ trưởng đã đi thăm, khảo sát một số điểm

nuôi trai cấy ngọc, nuôi cá lồng bè trên Vịnh Hạ Long và tới thăm, làm việc với hộ ông Tờ, một ngư dân nuôi tôm đạt kết quả tốt của xã Liên Vị, huyện Yên Hưng; Thứ trưởng đã nghe Lãnh đạo huyện Yên Hưng báo cáo về phát triển kinh tế thủy sản của huyện. Nói chung, việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch 5 tháng và ước 6 tháng đầu năm còn thấp. Chương trình khai thác hải sản xa bờ của Quảng Ninh còn gặp nhiều khó khăn, tỷ lệ trả nợ theo kế hoạch đạt thấp, công tác dịch vụ hậu cần, tiêu thụ sản phẩm cần được tập trung chỉ đạo, dự án nuôi tôm, tạo nguồn nguyên liệu cho chế biến xuất khẩu cần chủ động hơn và thực hiện theo các hướng dẫn của Bộ, ngành có liên quan. Thứ trưởng đề nghị Sở Thủy sản Quảng Ninh hoàn thiện chương trình phát triển thủy sản trình Lãnh đạo Tỉnh xem xét và thảo luận tại Đại hội Tỉnh Đảng bộ thời gian tới.

Tại tỉnh Thái Bình, Thứ trưởng Nguyễn Ngọc Hồng làm việc với đồng chí Trần Quốc Khoa, Phó Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh và lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Thứ trưởng đã trao đổi với Phó Chủ tịch, các đồng chí lãnh đạo Sở, phấn đấu đạt và vượt các chỉ tiêu kế hoạch phát triển thủy sản của tỉnh năm 2000; Đồng thời đề nghị Ủy ban Nhân dân Tỉnh chỉ đạo Sở Xây dựng chương trình phát triển thủy sản để đưa vào nội dung Nghị quyết Tỉnh Đảng bộ sắp tới; Đề nghị tăng cường phân bổ vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước cho các chương trình, dự án phát triển thủy sản của địa phương. Thứ trưởng biểu dương việc chuẩn bị và thực hiện tốt công tác phòng chống lụt, bão và phối hợp tìm kiếm cứu nạn của Thái Bình và nhắc nhở việc tập trung chỉ đạo công tác phòng, chống lụt, bão, giảm nhẹ thiên tai, đặc biệt lưu ý tàu thuyền phải trang bị đủ phao cứu sinh có chất lượng khi đi biển. Bộ ủng hộ đề nghị của Tỉnh xin thành lập Sở Thủy sản Thái Bình; Tỉnh cần sớm có văn bản trình Thủ tướng Chính phủ và các Bộ, Ngành có liên quan. Thứ trưởng đã ghi nhận một số đề nghị của tỉnh về việc giúp công tác điều tra, khảo sát, quy hoạch, các kỹ thuật về giống, thức ăn, thuốc phòng trị bệnh thủy sản, vốn đầu tư, công tác đào tạo... và đề nghị các Tỉnh cần tích cực, chủ động, phát huy các nhân tố nội lực, đặc biệt là chuẩn bị nguồn nhân lực có đủ trình độ kỹ thuật, ngoại ngữ để nhanh chóng nắm bắt kiến thức và thời cơ để hội nhập phát triển.

V.P

Tổng sản lượng Thủy sản thế giới năm 1997 đạt 122 triệu tấn, tăng 1,8% so với năm 1996. Trong đó sản lượng khai thác năm 1997 chiếm 76%, đạt 93,3 triệu tấn và sản lượng nuôi trồng thủy sản đạt 28,8 triệu tấn tăng 7,6%. Riêng sản lượng rong biển chiếm 8,4 triệu tấn (trọng lượng hơi) (đa phần là từ trồng rong).

Năm 1998, do hiện tượng El - Nino, tổng sản lượng thủy sản giảm xuống còn 116,9 triệu tấn, đồng thời mức buôn bán thủy sản do ảnh hưởng suy giảm kinh tế của một số nước châu Á cũng giảm xuống.

Khai thác hải sản:

Tổng sản lượng khai thác biển năm 1997 lên tới 93,3 triệu tấn. Những nước đứng đầu là Trung Quốc, Peru, Chi Lê, Nhật, Mỹ, Nga và Ấn Độ, các nước này sản xuất hơn một nửa tổng sản lượng thế giới, sản lượng khai thác từ biển chiếm hơn 90%, còn kinh tế nội địa chỉ chiếm gần 10%.

Tổng sản lượng kinh tế biển tăng trung bình 6%/năm. Từ năm 1950, chỉ đạt 17 triệu tấn, năm 1961 đạt 34,9 triệu tấn và năm 1983 đạt 68,3 triệu tấn. Thập kỷ sau tăng khoảng 1,5% , từ 1996 trở đi chỉ tăng 0,6 % / năm.

Sản lượng cá biển hiện nay đã đạt mức bão hòa và đang giảm xuống. Đây là xu hướng chung đối với mọi ngư trường chính trên thế giới.

Khai thác thủy sản nội địa :

Nghề cá nội địa chiếm khoảng 8%, tổng sản lượng chủ yếu là cá, với 7% nhuyễn thể và 6% giáp xác. Số lượng rùa, cá sấu... được tính bằng con với khoảng hơn 1 triệu con (năm 1997). Trong số 10 nước đứng đầu thì đã có 6 nước thuộc châu Á. Trong đó Trung Quốc đạt sản lượng gần 1,9 triệu tấn, chiếm 24% tổng sản lượng thủy sản thế giới và gấp 2,5 lần nước thứ 2 là Ấn Độ có sản lượng là 728.887 triệu tấn. Vì vậy, nếu chỉ tính riêng sản lượng của 10 nước đứng đầu đã chiếm 62% sản lượng toàn thế giới.

Số liệu thống kê từ 1984-1987 cho thấy việc khai thác nguồn lợi thủy sản nội địa trên thế giới ngày càng tăng. Mức tăng trung bình gần 130.000 tấn (2%/năm) và nhiều nhất là Châu Á và Châu Phi. Nói chung, nghề cá nội địa không có triển vọng vì có hiện tượng suy giảm nguồn lợi, suy thoái môi trường đất và rừng, đa dạng sinh học và nơi ở của sinh vật thủy sinh bị phá hủy, mức ô nhiễm các vùng nước nội địa ngày càng tăng. Hiện tượng này xảy ra rất rõ ràng ở các vùng Ban

MỘT SỐ NÉT VỀ NGHỀ CÁ THẾ GIỚI

Tích chủ yếu là tình trạng suy giảm đa dạng sinh học và các nơi cư trú của động vật thủy sinh. Tuy nhiên, ở Bắc Mỹ, hiện tượng thoái hoá đất đai đang có chiều hướng giảm dần.

Nuôi trồng thủy sản :

Sản lượng nuôi trồng thủy sản năm 1997 tổng cộng đạt được 28,4 triệu tấn, chiếm 23,3% tổng sản lượng nghề cá toàn cầu. Hầu hết chúng đều có xuất xứ từ nuôi nước ngọt và nuôi biển. Có gần 1,6 triệu tấn từ nuôi nước lợ. Theo thống kê sơ bộ trong năm 1998 cho thấy sự tăng chút ít trong nuôi trồng thủy sản, sản lượng đạt 29 triệu tấn.

Trung Quốc tiếp tục dẫn đầu trong nuôi trồng thủy sản toàn cầu với khoảng 66,7% tổng sản lượng thế giới. Tuy nhiên, do giá trị khá thấp của cá chép và rong biển là những loài chiếm phần lớn trong sản lượng nuôi trồng thủy sản của Trung Quốc, chúng chỉ chiếm khoảng 46,8% giá trị. Trong khi đó, Nhật Bản chỉ chiếm 3,7% tổng sản lượng nuôi thủy sản của thế giới nhưng giá trị lại chiếm tới 9,3% bởi vì Nhật Bản nuôi các loài giá trị cao như cá trác đuôi vàng, sò và điệp.

Trong năm 1997, sản lượng cá vẫn tiếp tục chiếm đa số trong nuôi trồng thủy sản với tỉ lệ gần 49% và chiếm 55% giá trị.

Trong các năm trước, cá nước ngọt, đặc biệt là cá chép Trung Quốc và Ấn Độ trị giá gần 5 tỷ USD, chiếm 1/4 tổng sản lượng trong năm 1997. Nguyên nhân chính của việc tăng trưởng của một số loài cá và giáp xác là do đã cho sinh sản nhân tạo thành công.

Tôm sú chiếm hàng đầu trong các loài thủy sản nuôi tính theo tổng giá trị sản phẩm vì chúng có giá cao. Hầu như sản lượng tôm sú được nuôi trong môi trường nhiệt đới và chúng được xuất khẩu sang các nước phát triển. Trong năm 1997, khoảng 82% lượng thủy sản được sản xuất ở các nước có mức dinh dưỡng thấp (LIPOC's) tức 27,9 triệu tấn. Phong trào nuôi thủy sản ở các nước này đã phát triển rất mạnh từ 1990.

Trong thời gian tới, những khủng hoảng kinh tế hiện nay chắc chắn sẽ ảnh hưởng tới mức độ gia tăng các hoạt động trong nuôi trồng thủy sản trên toàn thế giới. Các nước châu Á sẽ chỉ tăng

vừa phải các loại sản phẩm được ưa thích trên thị trường quốc tế.

Sản lượng nuôi trồng thủy sản sẽ đạt khoảng từ 35 đến 40 triệu tấn cá, giáp xác và nhuyễn thể vào năm 2010.

Theo ước tính của FAO, sản lượng nghề cá trên thế giới năm 2010 sẽ đạt mức từ 107 tới 144 triệu tấn, trong đó gần 30 triệu tấn sẽ được dùng để làm dầu cá và bột cá. Mức tiêu thụ sẽ dao động trong khoảng 74 - 114 triệu tấn. Mức tăng sản lượng hầu hết sẽ trông chờ vào nuôi trồng thủy sản, vì mức khai thác còn phụ thuộc vào hiệu quả, vào sự quản lý và phát triển khác.

Thương mại nghề cá : Khoảng 195 nước xuất khẩu thủy sản và 180 nước nhập khẩu thủy sản. Lượng thủy sản xuất khẩu đạt 45,8 triệu tấn vào năm 1997, gần gấp 3 lần so với mức năm 1976. Giá trị xuất khẩu đạt 51,4 tỉ USD, chiếm 11% giá trị xuất khẩu hàng nông sản và 1% tổng số hàng hoá xuất khẩu.

Riêng xuất khẩu rong biển và các sản phẩm từ rong biển đạt 0,44 tỉ USD (46 triệu tấn) tăng 2,4% so với 1996. Trong năm 1997, lượng thủy sản nhập khẩu trị giá 56,2 tỉ USD. Đối với một số nước xuất khẩu thủy sản chiếm tỉ trọng lớn trong nền kinh tế quốc dân.

Hơn 2/3 lượng thủy sản được con người tiêu thụ trực tiếp, trong số đó gần một nửa tiêu thụ ở dạng tươi / ướp lạnh và hơn 30% ở dạng đông lạnh. Còn lại 25% là ướp muối, kho, xông khói hoặc đóng hộp. Mức cung cấp trung bình từ khai thác là 10,9 kg / đầu người, từ nuôi trồng thủy sản là 4,9 kg / đầu người. Trong 1 năm, lượng thủy sản chiếm 1/6 mức protein động vật.

Triển vọng

Năm 1997, sản lượng khai thác cá biển chiếm khoảng 90% tổng sản lượng. Tuy nhiên, mức tăng rất chậm, các đánh giá sơ bộ năm 1998 cũng cho thấy xu hướng chững lại trong khai thác hải sản.

Các phân tích của FAO về tình trạng nghề cá từ 1990 cho thấy có nhiều biến động trong khai thác hải sản. Một số loài đã bị khai thác quá mức như cá tuyết Achantina, cá thu đốm. Sản lượng một số loài bị giảm như cá tuyết Tây Bắc Đại Tây Dương, cá ở Vịnh Thái Lan... Một số loại có dấu hiệu phục hồi như cá Sácđin Namibia. Khả năng khai thác các loài moi, hải sản ở tầng giữa hoặc mực ống đại dương vẫn chưa rõ ràng.

Hiệu ứng El - Nino cũng ảnh hưởng nhiều tới nguồn lợi cá nổi từ năm 1988 và vẫn tiếp tục gây tác hại trong tương lai. Nguồn lợi thủy sản nội địa rất ít so với nguồn lợi hải sản lại tỏ ra khá hơn do những cố gắng ở Châu Á.

FAO tin tưởng rằng nghề khai thác cá nội địa sẽ tốt hơn nếu được kết hợp với việc quản lý đất và nước tốt. Ở mức độ cộng đồng, sản lượng thủy sản sẽ được tăng cao. Ví dụ: thông qua việc thả giống thủy sản định kỳ xuống các hồ chứa tự nhiên và nhân tạo. Còn rất nhiều hồ chứa chưa được dùng để sản xuất thủy sản. Ở mức độ các trang trại, có nhiều cơ hội để kết hợp nuôi các loài thủy sản và gia súc khác nhau. Ví dụ có thể sử dụng nước thải để nuôi, xây dựng tưới tiêu nước tốt, nuôi trong ruộng lúa... cũng làm tăng sản lượng. Ở mức độ quốc gia, các cơ quan môi trường và thủy sản sẽ phải hành động để ngăn chặn và giảm thiểu các suy thoái môi trường và khôi phục lại các giống, loài thủy sản.

Tỷ lệ đóng góp của một số nước đứng đầu trong nuôi trồng thủy sản Thế giới năm 1997

Tên nước	Số lượng	Giá trị
1. Trung Quốc	66,7%	46,8%
2. Ấn Độ	4,9%	3,4%
3. Nhật Bản	3,7%	9,3%
4. Hàn Quốc	2,9%	2,4%
5. Philipin	2,7%	1,9%
6. Indônêxia	2,5%	4,4%
7. Thái Lan	1,6%	3,5%
Các nước khác	15,0%	27,7%

Các nước đứng đầu trong khai thác thủy sản Thế giới năm 1997

Tên nước	Sản lượng
1. Trung Quốc	15.722.000 Tấn
2. Peru	7.870.000 Tấn
3. Nhật Bản	5.882.000 Tấn
4. Chi Lê	5.812.000 Tấn
5. Mỹ	5.010.000 Tấn
6. Nga	4.662.000 Tấn
7. Indônêxia	3.649.000 Tấn
8. Ấn Độ	3.602.000 Tấn
9. Thái Lan	2.912.000 Tấn
10. Na Uy	2.857.000 Tấn
11. Ai-xơ-len	2.206.000 Tấn
12. Hàn Quốc	2.204.000 Tấn

Infofish Inter - 1/2000

Quần đảo Trường Sa có 100 đảo nổi, chìm 42 đảo đã có tên gọi. Diện tích 160.000

km², trong đó 23 đảo cồn thường xuyên nổi trên mặt nước với diện tích 10 km², đảo lớn nhất rộng 0,5 - 0,6 km².

Đợt điều tra 1995 - 1997 của tàu nghiên cứu Biển Đông ở vùng vĩ độ 8 - 18°00N, kinh độ 112° E, sử dụng lưới cước rê trôi tầng mặt với kích thước mắt lưới khác nhau, đã bắt gặp 91 loài cá thuộc 28 họ. Trong đó họ cá thu ngừ chiếm sản lượng cao nhất 41,6%, họ cá ó dơi 26,0%, họ cá cờ 22,5%. Sáu loài khai thác có triển vọng là : cá ngừ vây (Katsuwonus pelamis) (25,3%); cá ó dơi Nhật (Mobula japonica) 17,0%; cá nục heo thường (C. hippurus) 10,4%; cá vằn biển (Brama orcinii) (3,1%); cá cờ xanh (Makaira mazara) 7,8%; cá rô biển (cá kên) (Locotes surinamensis) 5,2%.

Riêng vùng biển Trường Sa (7 - 12°E; 109 - 115° E) điều tra bằng tàu công suất 90 CV bằng lưới rê, tầng nước 5 - 19 m đã thu được : cá ngừ vây, năng suất 122,8 kg/h (chiếm 82,18%), cá ngừ mắt to 3,94%, cá thu các loại 4,26%, cá ngừ chấm 2,77%, cá ngừ chù 2,69%, cá khác (cá ông vãi, cá nhồng, cá thuyền, cá cam, cá nục) 4,07%. Ước tính trữ lượng tương đối ở các khu được tính toán là 1.602 tấn. (cá ngừ vây : 303 tấn; cá ngừ mắt to 8,7 tấn; cá thu 6 tấn; cá mập (Cerchahinus sorrach) 29,3 tấn.

Trong đợt hợp tác tàu câu của Nhật với Công ty dịch vụ thủy sản Tây Nam (1992 - 1994), các nhà điều tra đã nhận thấy : khu vực quần đảo Trường Sa tập trung nhiều cá ngừ vây vàng (10 - 20%) cá ngừ mắt to (trên 80%). Khu Tây Bắc Trường Sa, nơi tập trung nhiều cá ngừ mắt to hầu hết các mẻ lưới đạt hơn 1 tấn/mẻ, cỡ cá thu được tương đối lớn.

CÁ Ở QUẦN ĐẢO TRƯỜNG SA

Bảng 1 : Cỡ cá ngừ mắt to, vây vàng

Tổng số	Số mẻ câu	5 - 10 kg (con)	10 - 30 kg (con)	> 30 kg (con)
1	101	66	360	594
2	105	75	506	611
3	110	253	1.196	376
Tổng cộng	394	394	2.062	1.581

Hàng năm ngư dân ở một số tỉnh miền Trung ra khai thác ở Trường Sa như ngư dân ở Nha Trang (Khánh Hòa) 1997 ra đảo Tây Nam đảo Ba Kè ... đánh bắt bằng nghề rê (cản khơi) thu được 500 tấn, chủ yếu là cá ngừ sọc dưa 50%, cá bò gù 20%, mực lửa (sepia latimanus) 3 - 4 con/kg. Ngư dân ở đảo Phú quốc (Bình Thuận) ra câu cá mập, 20 - 25 ngày thu được 200 kg vây, cá hồng 1 - 1,5 tấn ... tổng sản lượng khai thác ở vùng biển Trường Sa được 1000 tấn (1998).

Đáng chú ý là trong khu hệ cá san hô ở vùng biển quần đảo Trường Sa đã tìm thấy 414 loài, bổ sung cho danh mục cá biển Việt Nam 146 loài, 35% số loài mới, 5,7% cá vãng lai, nhóm cá san hô chiếm 94,3%, có nhiều đối tượng có giá trị cao như cá mú, cá đĩa, cá đối nục ... là đối tượng nuôi biển của nhiều nước trên thế giới (Nguyễn Nhật Thi - 1997).

Trữ lượng cá nổi ở vùng biển Trường Sa và DK1 (Phía nam quần đảo Trường Sa) ước là 20.000 tấn.

Qua điều tra và thực tế sản xuất cho thấy ở vùng quần đảo Trường Sa có nhiều loài cá quý, chiếm tỉ lệ đáng kể, nhất là đối với các loài là đối tượng nuôi biển cần có kế hoạch khai thác và bảo vệ gây nuôi. Do phương pháp và ngư cụ điều tra, thời gian có hạn nên các đợt điều tra trên chưa tính toán hết trữ lượng thực tế ở vùng biển này ♦

Ngô Trọng Lưu

Đây có nhiều loài có giá trị kinh tế cao như cá mú, cá hồng, cá cam. Cá này thường sống trong các rạn đá, san hô, đảo ngầm hoặc các chà rạo nhân tạo. Có nhiều phương pháp đánh bắt cá ở vùng rạn. Nghề câu cá chân rạn là một nghề rất phổ biến ở nước ta và ở một số nước trên thế giới, đặc biệt là ở khu vực Đông Nam Á.

Tàu thuyền câu cá

Tàu thuyền câu cá chân rạn gồm hai loại : chuyên nghề hoặc kiêm nghề

Tàu câu chuyên nghề thường có công suất nhỏ hơn 33 CV và khai thác ở những ngư trường ven biển.

Tàu kiêm nghề thường làm nghề khai thác cá kết hợp ánh sáng như vây ánh sáng, màn đèn, vó ánh sáng, lưới rê... Ban ngày làm nghề câu cá chân rạn, ban đêm đánh cá kết hợp ánh sáng hoặc nghề chính. Các tàu kiêm nghề có thể khai thác ở những ngư trường xa, tàu thường được trang bị máy định vị, máy dò cá, máy thông tin. Trong đó máy định vị đóng vai trò hết sức quan trọng trong việc ghi nhớ các vùng có đá ngầm, rạn, san hô, đảo ngầm và các chà rạo. Máy định vị sẽ giúp xác định ngư trường một cách nhanh chóng và chính xác. Ngoài ra, tàu còn phải trang bị hầm lạnh bảo quản cá, hầm thông thủy và lồng để bảo quản cá sống.

Ngư cụ:

Cần câu gồm các bộ phận sau:

- Cần câu: dài từ 2,5 - 3m, thường làm bằng trúc, tre hoặc kim loại. Đường kính ở gốc cần (d gốc = 2 - 2,2 cm) và ở ngọn cần (d ngọn = 0,8 - 0,9 cm).

Cần câu phải bảo đảm chắc, khỏe, dẻo, chịu uốn để khi cá ăn mồi cần không bị gãy và dễ sử dụng.

- Ống câu: Làm bằng gỗ, tre, luồng hoặc nhựa. Đường kính D = 10 - 12 cm dạng hình trụ có thắt ở giữa, phía ngoài có khía rãnh để tăng ma sát.

- Dây câu bằng cước trắng PA có đường d = 0,5 - 0,6 mm, chiều dài dây tùy thuộc vào độ sâu ngư trường. Dây câu được gắn chắc chắn vào 1 đầu cần câu: một đầu nối vào ống câu, đầu kia

nối vào lưỡi câu thông qua 1 bộ phận để xâu dây câu qua.

- Cuối phần dây câu có nối vào thanh thép vòng cung dài khoảng 30 - 25cm, giữa thanh thép có buộc một viên chì nặng từ 80 - 100 g. Bộ phận này có tác dụng tăng trọng lượng phần lưỡi câu để chúng chìm xuống sát gần đáy.

- Sau thanh thép vòng cung là 2 - 3 thẻo câu, chiều dài thẻo khoảng 0,5 - 0,6 m. Thẻo câu là dây liên kết có thể bằng cước hoặc bằng kim loại. Cuối thẻo câu là lưỡi câu, kích thước lưỡi câu phụ thuộc vào đối tượng đánh bắt.

- Mồi câu: Nghề câu cá chân rạn thường có hai loại, có thể dùng mồi thật bằng cá tươi như cá trích, cá nục cắt khúc hoặc sử dụng mồi giả bằng cách buộc vào phía đốc lưỡi câu các sợi

hoá học, sợi vải hoặc lông vũ các màu sắc xanh, trắng, đỏ... Nghề câu cá chân rạn ở nước ta hiện nay chủ yếu sử dụng cần câu và câu bằng mồi giả.

Ngoài hình thức câu có cần câu, còn có hình thức câu đứng là loại không sử dụng cần câu.

Cấu tạo gồm một sợi dây câu, chiều dài lớn hơn độ sâu ngư trường, đường kính có độ dài $\Phi = 0,6 - 0,8$ mm. Cuối dây có một viên chì 200g, gần đầu cuối là 2 - 3 thẻo câu, Sau đó là lưỡi câu.

Kỹ thuật câu:

Ngư trường câu cá chân rạn thường có nhiều chướng ngại vật như rạn đá, san hô, chà rạo ... nên dễ làm mất lưỡi câu. Vì vậy cần chuẩn bị các lưỡi câu, phụ tùng câu dự phòng để sẵn sàng thay thế. Cần xác định ngư trường trên hải đồ hoặc bằng máy định vị. Khi đến ngư trường, cần chú ý khi neo tàu để tránh trường hợp mất neo do gặp đá ngầm hoặc rạn.

Khi câu phải thả lưỡi câu chìm sát gần đáy, vừa giật câu vừa cuốn dây tạo ra sự linh động của mồi giống như mồi sống để nhử cá. Khi cá dính câu phải kéo cá thật khéo, tránh làm rách miệng cá vì cá chân rạn thường có kích thước lớn từ 0,8 - 3 kg. Khi cá say mồi chúng có thể theo mồi lên gần mặt nước. Một tàu câu cá chân rạn bình quân mỗi ngày có thể đạt sản lượng từ 150 - 160 kg. Mỗi chuyến đi biển thường đạt từ 1,3 - 1,5 tấn cá.

Vụ nghề cá

Tính từ đầu tháng tư đến nay, Chi cục Bảo vệ nguồn lợi thủy sản Bình Thuận đã xử lý 222 trường hợp hành nghề lặn trái phép và khai thác hải đặc sản non;

Để bảo vệ loài nhuyễn thể hai mảnh vỏ như điệp, sò lông, vòm, bàn mai, sò giầy, sò nước ... đang trong thời gian sinh trưởng và phát triển, Sở Thủy sản Bình Thuận đã có thông báo số 03 ngày 23/3/2000 về việc cấm hành nghề lặn bắt, vận chuyển, chế biến và tiêu thụ hải đặc sản này kể từ ngày 01 tháng tư. Thế nhưng tình trạng lặn bắt trái phép các loại hải đặc sản này vẫn cứ tiếp diễn. Nhằm

đối phó với lực lượng kiểm ngư, các chủ phương tiện sử dụng thuyền nhỏ chuyển tải số sản phẩm điệp, bàn mai, sò lông đã lặn bắt trái

phép đưa vào các bãi ngang để cạy lấy cồi bán cho các chủ nậu - vừa, cơ sở chế biến của tư nhân. Ngày 06/6 vừa qua, kiểm ngư Phan Thiết đã lập biên bản xử lý việc thu mua 30 kg cồi điệp non của Công ty trách nhiệm hữu hạn Hải Nam, quyết định xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 2.550.000 đồng, tiếp đó vào ngày 9/6, kiểm ngư Phan Thiết lại lập biên bản về việc thu mua trái phép 520 kg cồi điệp của Công ty này, Chi cục BVNL thủy sản đã lập tờ trình đề nghị UBND tỉnh xử lý.

Từ việc tiêu thụ của chủ nậu vừa và các cơ sở chế biến kinh doanh hàng hải sản trong, ngoài tỉnh đối với loại hải đặc sản này, đồng thời do thu nhập cao nên một số ngư dân hám lợi đã buông lơ ý thức và trách nhiệm bảo vệ nguồn lợi hải đặc sản còn non, tìm mọi thủ đoạn, phương pháp để lén lút khai thác, cố tình quên lợi ích chung của cộng đồng.

Trong thời gian qua, lực lượng BVNL thủy sản đã đẩy mạnh các hoạt động chuyên môn để ngăn chặn nạn khai thác hải đặc sản còn non. Các trạm kiểm ngư đã liên tục kiểm tra, kiểm soát trên biển, tăng cường giám sát địa bàn, đẩy mạnh công tác tuyên truyền và thu

nhận thông tin qua mạng lưới cộng tác viên, tuy nhiên do ngư trường rộng, lực lượng ít nên kết quả đạt được chỉ là hạn chế phần nào tệ nạn khai thác trái phép. Trong số 222 trường hợp vi phạm đã xử lý, Phan Thiết là địa phương có số chủ phương tiện lặn bắt hải đặc sản trái phép nhiều nhất mà tiêu biểu là ở các phường : Đức Long, Lạc Đạo, Hưng Long, Phú Trinh ... Có rất nhiều phương tiện khi kiểm tra trên biển, số lượng sản phẩm là điệp, bàn mai, sò lông lên đến vài chục bao khoảng từ 2 tạ trở lên, lực lượng kiểm ngư đã buộc các chủ phương tiện phải thả xuống biển trở lại.

Hiện nay, tại bãi ngang của phường Đức Long (tp.Phan Thiết), hằng ngày có rất nhiều phụ nữ, trẻ em và thanh niên ngồi cạy điệp, bàn mai ... Lực lượng kiểm

ngư khi đến khu vực này đều bị chống đối, giằng co, rất khó xử lý những người vi phạm.

Nếu ta bảo vệ có kết quả nguồn lợi hải đặc sản có giá trị kinh tế, chắc chắn sẽ có hiệu quả kinh tế cao hơn khi các loại hải đặc sản này được khai thác đúng lúc khi chúng đã trưởng thành, hình thành những bãi dày và rộng. Ngoài hoạt động chuyên môn của lực lượng chuyên trách bao gồm công tác tuyên truyền, kiểm tra - kiểm soát, xử lý thì cần có sự phối hợp của chính quyền cơ sở để thực sự ngăn chặn tệ nạn lặn bắt trái phép. Mong rằng, các chủ phương tiện nghề cá, nhất là các chủ nậu vừa và các cơ sở chế biến kinh doanh hàng hải đặc sản ngưng ngay hành vi hoạt động vi phạm đến quy định của Bộ Thủy sản, tỉnh Bình Thuận và trái với lợi ích chung của cộng đồng.

Thời gian tới, ngành thủy sản Bình Thuận sẽ tổ chức các chuyến khảo sát đánh giá mức độ phát triển, khu vực tập trung các loại hải đặc sản này; Qua xác định thực tế sẽ đề nghị UBND tỉnh cho phép ngư dân hành nghề lặn những loại hải đặc sản đã đạt đúng kích cỡ quy định khai thác.

*Chi cục Bảo vệ nguồn lợi Thủy sản
Bình Thuận*

TỆ LẶN BẮT HẢI ĐẶC SẢN NON VẪN TIẾP DIỄN Ở BÌNH THUẬN

TN

Xí nghiệp Khai thác thủy sản tỉnh Bình Thuận sau những năm gặp phải khó khăn trong vấn đề khai thác và tiêu thụ sản phẩm khai thác cá ngừ đại dương, từ cuối năm 1999 đã tập trung tổ chức lại đánh bắt với hai mục tiêu là nâng cao năng suất khai thác và bảo đảm chất lượng cá ngừ xuất khẩu. Để từng bước đạt được ý nguyện đó, Xí nghiệp đã mời chuyên gia Nhật Bản sang dạy toàn bộ quy trình kỹ thuật câu cá ngừ đại dương (có thực nghiệm câu khơi); tiếp đó Xí nghiệp đã cho 2 kỹ sư sang tập huấn bên Nhật hơn 2 tháng để nắm toàn bộ quy trình kỹ thuật bảo quản cá ngừ từ khi cá mới câu lên thuyền, đến khi được bày bán bên chợ Nhật; đồng thời tìm hiểu sâu và cụ thể thêm về tiêu chuẩn chất lượng cá ngừ phải đảm bảo thế nào để đáp ứng tốt nhu cầu của thị trường bạn, thậm chí còn phải mở rộng kiến thức để nắm được các món ăn tươi sống được chế biến từ cá ngừ mà người Nhật thường ưa chuộng. Để từ đó cá ngừ của mình mới có cơ may được thị trường Nhật chấp nhận đúng giá.

Sau đó, Xí nghiệp tiến hành cho đội tàu câu cá ngừ ra khơi bám biển sản xuất, đồng thời đặt mối quan hệ để thu mua cá ngừ của các tỉnh miền Trung.

Kết quả là đầu năm 2000 Xí nghiệp đã xuất lô hàng cá ngừ đại dương đầu tiên (700 kg) được thị trường Nhật chấp nhận với giá 17 USD/kg loại 1 và cho đến nay, xí nghiệp đã xuất được nhiều chuyến với sản lượng hàng chục tấn sản phẩm cá ngừ đại dương và vẫn giữ được giá 17 USD/kg loại 1.

Kết quả nói trên đã xác định vị trí hàng cá ngừ đại dương xuất khẩu của Bình Thuận là một trong những nơi chiếm vị trí "top ten" về mặt hàng cá ngừ nhập khẩu tại Nhật. Về vấn đề này, một chuyên gia hàng đầu của Nhật về lĩnh vực cá ngừ đại

dương đã nói (trong một bức thư Fax từ Nhật sang cho ban giám đốc Xí nghiệp Khai thác thủy sản Bình Thuận): *"Tôi rất mừng khi thấy sản phẩm các ông hiện nay là một trong những sản phẩm đạt chất lượng cao của cá ngừ nhập khẩu tại chợ trung tâm bên chúng tôi"*.

Ngoài thị trường Nhật, trong tháng 5/2000, Xí nghiệp Khai thác thủy sản Bình Thuận còn ký hợp đồng cung cấp nguyên liệu đánh bắt xa bờ cho Công ty Hight Land Dragon Enterprise (HLDE) đóng tại tỉnh Bình Dương với chức năng chế biến các mặt hàng thủy sản và đóng hộp có công suất 100 tấn cá/ngày. Công ty đã bắt đầu hoạt động từ tháng 3/2000. Như vậy, Bình Thuận đã tạo thêm được một thị trường ổn định để giải quyết đầu ra cho nghề cá xa bờ nói chung không chỉ cho ngư dân tỉnh nhà, mà còn cho cả một số tỉnh khu vực Nam Trung bộ.

Đầu tháng 6/2009, tàu dịch vụ hậu cần mang tên "Ca ti - 07" công suất 530 CV với 2 hệ thống bảo quản sản phẩm, đã được Xí nghiệp Khai thác thủy sản Bình Thuận đưa vào hoạt động để bảo đảm thu mua trên biển đủ nguồn nguyên liệu đã ký hợp đồng với Công ty HLDE và xuất qua Nhật. Về lâu dài, Xí nghiệp còn hợp đồng thu mua cả nghêu, ghẹ, tôm, sò, ... của ngư dân để cung ứng cho Công ty HLDE như đã cam kết.

Như vậy, Xí nghiệp Khai thác thủy sản Bình Thuận sau những năm làm ăn thua lỗ, đến nay đã thực hiện được chức danh "Con chim đầu đàn" trong nghề cá của tỉnh Bình Thuận, đặc biệt trong vai trò tìm thị trường tiêu thụ đầu ra cho nghề cá xa bờ, là khâu bị ách tắc nhất trong thời gian vừa qua.

Trần Trọng Thương

Theo dự tính, lượng tiêu thụ ếch hàng năm trên thế giới là 2 triệu tấn/năm, Pháp 4.000 T/năm, Mỹ 2.000 - 3.000 T/năm. Nhiều nước đã nuôi ếch như Ấn Độ có khu nuôi ếch ở tỉnh Orison rộng 10 ha, cả nước xuất khẩu 3.700 tấn đùi ếch (1993). Ở Cu Ba nuôi ếch từ những năm thập kỷ 20, ở vùng En Goatao gần thủ đô Habana, sản lượng nuôi hàng năm hơn 300 tấn đùi ếch đông lạnh, cả nước Thái Lan có 15 trại nuôi ếch, mỗi ngày xuất 50 tấn đùi ếch, năm 1998 Đài Loan sản xuất 6.000 tấn ếch thịt. Các nước khác như: Mêhicô, Singapo, Philippin ... cũng tiến hành nuôi ếch nhưng chưa bao giờ đáp ứng đủ nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

Ở nước ta, từ nhiều năm nay, một số hộ gia đình có nuôi ếch, năm 1963 ta đã nhập giống ếch bò từ Cu Ba về nuôi và đã có kết quả bước đầu. Nguồn ếch giống tự nhiên như ếch đồng, ếch gai, ếch vạch cũng rất quý. Năm 1997 ở một số tỉnh ở đồng bằng sông Cửu Long như Cần Thơ, Sóc Trăng, An Giang ... đã có 200 cơ sở nuôi ếch đạt 400 tấn thịt đùi ếch (1 kg đùi ếch cần 20 - 25 kg ếch thịt). Ông Lại Văn Trung ở Đông Anh (Hà Nội) nuôi thủ công cũng đã sản xuất được 400 - 800 kg ếch thịt.

Trung Quốc là nước nuôi ếch đã thu được nhiều hiệu quả, năng suất nuôi thông thường đạt 1,5 - 6 kg/m², còn nuôi tăng sản đạt 10 kg/m², các loài thường nuôi là ếch đồng, ếch bùn, ếch đầm, ếch xanh, ếch bò, gần đây đã nhập thêm ếch xanh Mỹ (*Runa virescens*), cỡ nhỏ hơn ếch bò nhưng tỉ lệ thịt đùi hai chân sau chiếm 40% trọng lượng thân, loài này chịu lạnh khoẻ, có thể nuôi trong 4 mùa, tính thích nghi rộng, không sợ người, có thể nuôi theo qui mô công nghiệp. Chúng tôi xin giới thiệu thêm về một số cách nuôi ếch và cấu tạo các loại ao nuôi ếch ở Trung Quốc để góp phần đẩy mạnh nghề nuôi ếch ở nước ta.

Các phương thức nuôi ếch.

Nuôi ếch ở bể xi măng.

Thích hợp với nuôi qui mô lớn, cho ăn thức ăn tổng hợp, dùng kỹ thuật sinh sản nhân tạo mới nhất để tăng nguồn ếch giống, tiến hành khống chế nhân tạo nhiệt độ để ếch lớn quanh năm trong điều kiện khí hậu thích hợp. Có hai loại ao là ao nuôi ếch bố mẹ và ao ếch giống. Ao ếch giống dùng ni lông quây lại để phòng ếch nhảy sang ao khác.

Nuôi ếch ở ao nuôi cá.

Thường có diện tích : 50 - 100m², nước ao sâu : 0,5 - 1m. Ao lớn có thể dùng lưới, chia thành vại ô nhỏ. Trước lúc nuôi phải tháo cạn nước, loại bỏ tạp chất, lấy bùn trong ao, gia cố bờ, đặc biệt phải lấp hết các hang của rắn, chuột.

Xung quanh bờ dùng tre hoặc gạch làm tường chắn cao : 0,5 - 1m để chống ếch nhảy ra (tường cách bờ 1 - 1,5m để có chỗ cho ếch nghỉ bắt côn trùng), trong ao thả bèo tây, rong. Nếu cho ăn cá con, tôm con, cá chạch v.v... thì giá thức ăn đặt trên mặt nước để kéo dài thời gian sống của mỗi ăn, tiện cho ếch ăn.

Nuôi ếch trong vườn rau.

Vườn rau gần nguồn nước, dễ tháo nước, giữa các luống rau đào mương cho nước vào. Xung quanh vườn có tường chống ếch nhảy đi (có thể dùng đống tre hay nilông).

Mỗi sào (360m²) có thể thả 1.000 - 1.500 ếch con. Ếch bắt côn trùng, có thể giữ rau không bị sâu bệnh làm hại lại thu được sản lượng ếch thịt.

Nuôi ếch ở ruộng lúa.

Ruộng phải giữ được nước, đủ sâu 8 - 10cm lấy nước và tháo nước thuận tiện. Xung quanh phải dùng đống tre hay tấm vải nilông quây lại chiều cao : 1 - 1,5m.

Khi nuôi ếch tuyệt đối không phun thuốc trừ sâu. Nuôi ếch trong ruộng có thể giảm bớt sâu bệnh gây hại tăng sản lượng lúa, đem lại hiệu quả kinh tế (có khi giá trị của ếch gấp 10 lần lúa).

Nuôi ếch trong vườn chuối.

Trong vườn chuối đào mương lấy nước, xung

CÁC PHƯƠNG THỨC NUÔI ẾCH Ở TRUNG QUỐC

quanh vườn có thể dùng gạch hay nguyên liệu khác để chống ếch nhảy. Trong vườn treo đèn dụ côn trùng, đặt giá cho ăn, thả 1.500 - 2.500 con/sào.

Nuôi ếch trong vườn quả.

Xung quanh vườn quả xây tường chống ếch nhảy đi. Trong vườn đào ao nhỏ lấy nước, treo đèn dụ côn trùng, đặt giá cho ăn, thả 1.500 con/sào ếch trưởng thành vào mùa cây ăn trái ra hoa để dụ được nhiều côn trùng là loại thức ăn ưu việt của ếch.

Nuôi ếch trong vườn cảnh.

Trong vườn cảnh đào một ao nuôi ếch giống hình tròn và một số ao hình chữ nhật để làm ao ấp, ao nuôi ếch con, ao nuôi ếch thịt.

Trong ao làm núi non bộ dưới có hang hốc cho ếch nghỉ hay trú đông, thả vài loại bèo, nước sâu 30 - 40 cm. Cảnh ao trồng hoa, cây ăn quả,

giàn nho v.v... Trên mặt ao làm giàn che một nửa ao. Trên núi non bộ treo ngọn đèn điện 5 - 10 Wat dụ côn trùng làm thức ăn cho ếch. Ngoài việc tăng thêm thu nhập, lúc rỗi xem ếch đùa dưới nước, chiều tối xem ếch con bắt côn trùng có thể giúp cho tinh thần sảng khoái, tăng tuổi thọ.

Các loại ao nuôi ếch

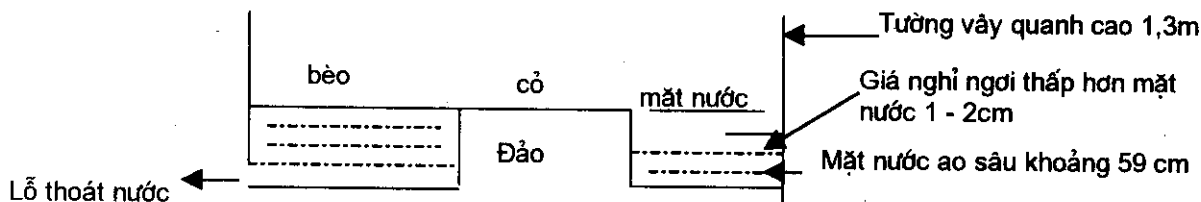
Xung quanh vây tường cao 1,3m. Diện tích rộng khoảng 20 - 30m², tùy theo số lượng nuôi mà xác định.

Thông thường 1m² mặt nước thả 1,5 - 2,5 đôi ếch bố mẹ là thích hợp.

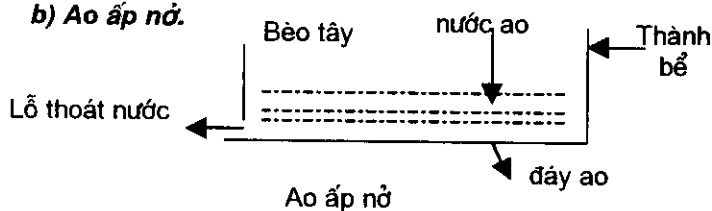
a) Ao đẻ của ếch giống.

- Ao hình chữ nhật dài 5m, rộng 3m, cao 1,3m.

- Đảo lộ ra khỏi mặt nước cũng hình chữ nhật. Diện tích 1,4m² dài 1,4m, rộng 1m; cao 0,6m.

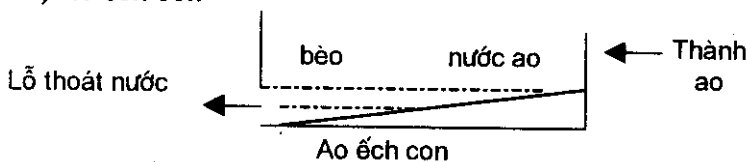


b) Ao ấp nở.



Diện tích 3,6m², dài 3m, rộng 1,2m, cao 0,8m. Ao sâu 50 - 60 cm. Ao bể trát xi măng, đáy có độ dốc có lỗ thoát nước, tiện cho việc rửa các chất bẩn trong bể. Thả bèo tây cho ếch trèo lên nghỉ

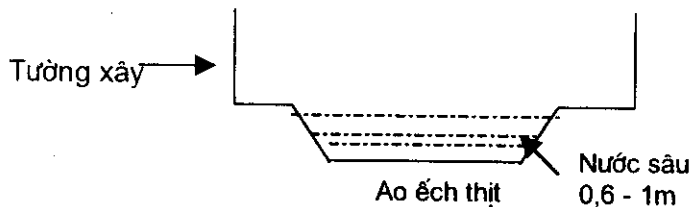
c) Ao ếch con



Diện tích : 3,6m²

Đáy dốc, nước ao sâu : 1 - 2cm, có nước và thêm dốc tiện cho ếch ăn và là nơi ếch con nghỉ

d) Ao ếch thịt



Diện tích thường là 50 - 100m² cho dễ quản lý. Hành lang phía ngoài tường xây có thể trồng cây lấy gỗ hay cây ăn quả. Từ chân tường vây quanh đến bờ ao rộng 1 - 1,5m để chỗ cho ếch nghỉ hoạt động, bắt mỗi côn trùng.

Ngô Trọng Lư

Trong những năm đầu thập kỷ 90, phong trào nuôi tôm ở các tỉnh ven biển miền Nam phát triển mạnh theo hướng quảng canh và quảng canh cải tiến; diện tích nuôi tôm có năm đã lên 200.000 ha; riêng Minh Hải diện tích nuôi tôm năm cao nhất đã đạt 100.000 ha. Việc mở rộng diện tích nuôi tôm một cách tự phát, không có quy hoạch, dân tự đắp vuông lấy nước thu tôm, tác hại nhất là phá rừng nuôi tôm. Năng suất nuôi tôm đạt thấp 200 - 200 kg/ha nay chỉ còn vài chục kg trên hecta. Nguồn tôm giống, tôm thịt tự nhiên ngày càng ít đi.

Thành công trong sinh sản nhân tạo tôm sú và nuôi tôm công nghiệp ở miền Trung đã có tác dụng rất lớn đến phong trào nuôi tôm trong cả nước. Lượng tôm giống sản xuất ngày càng nhiều, không những cung cấp cho nuôi tôm công nghiệp ở các tỉnh miền Trung mà đã bán cho nhiều địa phương trong cả nước. Nhờ đó nuôi tôm ở các tỉnh phía Nam đã chuyển dần sang nuôi tôm quảng canh cải tiến và nuôi thử nghiệm bán thâm canh. Năm 1997, Trà Vinh đã nuôi thử nghiệm mô hình nuôi tôm sú bán thâm canh (BTC) và thâm canh (TC), đạt năng suất 3 - 5 tấn/ha. Năm 1998, Tiền Giang nuôi tôm sú TC ở Gò Công Đông đạt năng suất 8 tấn/ha và các tỉnh Bến Tre, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Kiên Giang đã thử nghiệm mô hình nuôi tôm BTC năng suất đạt trên 1 - 4 tấn/ha. Công ty Hiệp Thành, Công ty Duyên Hải ở Bạc Liêu xây dựng công trình nuôi tôm công nghiệp trên diện tích 200 ha với vốn đầu tư khá lớn 2 triệu và 4 triệu USD mỗi công ty. Công trình được đưa vào vận hành từ năm 1996, nuôi thử nghiệm trên một số ao đạt năng suất từ 2 - 7 tấn/ha nhưng không ổn định. Năm 1999, công ty Duyên Hải đã nuôi 20 ao (20ha) năng suất đạt trên 3 tấn/ha là năm nuôi thành công nhất.

Năm nay, diện tích nuôi tôm BTC và TC được mở rộng. Nhiều mô hình đạt năng suất và hiệu quả cao. Bến Tre nuôi tôm sú TC trên diện tích 2.000m² đạt năng suất 8,9 tấn/ha.vụ, mô hình nuôi tôm sú BTC ở Cà Mau đạt 3 - 4 tấn/ha, Tp.Hồ Chí Minh (Cần Giờ) và Vũng Tàu đã có mô hình nuôi tôm BTC đạt trên 1 - 2 tấn/ha. Mô hình nuôi tôm sú BTC và TC đã mở rộng trong dân. Nhiều hộ nuôi đạt từ 1 - 4 tấn/ha.vụ, có những hộ lời hàng chục, hàng trăm triệu đồng; nhiều hộ nuôi BTC mấy năm liền đều đạt năng suất cao và có lời liên tục, trở thành người giàu có, hình thành trang trại nuôi tôm hộ gia đình.

Tuy nhiên, trong năm 1999, một số địa phương như Sóc Trăng, Trà Vinh có nhiều hộ gia đình nuôi tôm sú BTC bị thất và lỗ nặng.

Qua những năm phát triển nuôi tôm BTC và TC ở các tỉnh phía Nam có thể rút ra những điểm chung như sau :

- Nuôi tôm sú BTC và TC đang ở dạng mô

TN **NUÔI TÔM SÚ BÁN THÂM CANH VÀ THÂM CANH Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG**

hình và được phát triển nuôi trong dân, đã có kết quả bước đầu.

- Những diện tích nuôi tôm BTC & TC đã nuôi 2 - 3 năm liền bắt đầu xuất hiện bệnh và thất thu như ở Duyên Hải (Trà Vinh); Mỹ Xuyên (Sóc Trăng). Đây là hiện tượng xuất hiện nhiều nơi ở miền Trung và kể cả một số nước trong khu vực.

- Còn nhiều nơi nuôi tôm BTC & TC tự phát trong dân, chưa có quy hoạch nên cơ sở vật chất, thiết bị, kỹ thuật nuôi chưa bảo đảm, người dân chưa hiểu biết đầy đủ về kỹ thuật nuôi BTC và TC

+ Những ao nuôi hay thất bại là xây dựng ao hồ ở vùng thấp triều, đất phèn, mùn bã hữu cơ nhiều, không tháo hết nước, không phơi đáy ao, bị thấm lậu.

+ Nhiều gia đình chưa có kinh nghiệm chọn tôm giống hoặc tùy tiện ham thả mật độ dày trong khi điều kiện nuôi chưa bảo đảm dẫn đến thất bại. Năm nay chất lượng tôm giống kém, mang mầm bệnh nhiều do tôm bố mẹ kém chất lượng, thiếu tôm bố mẹ nên cho đẻ nhiều lần và xử lý hoá chất nhiều làm cho tôm giống nhờn thuốc.

+ Một số ít gia đình dùng thức ăn tự chế biến hoặc dùng thức ăn tươi bổ sung dẫn đến môi trường nước ô nhiễm không xử lý kịp thời gây bệnh.

+ Một số hộ chưa có điều kiện, thiết bị dụng cụ để theo dõi nên xử lý biến động môi trường không kịp thời. Dùng hoá chất không theo chỉ dẫn của cơ quan khoa học và khuyến ngư, lại tùy tiện dùng hoá chất kháng sinh quá nhiều dẫn đến tôm nuôi bị nhờn thuốc.

+ Do chưa quản lý chặt chẽ 5 biện pháp kỹ thuật cơ bản nêu trên, tình hình tôm chết do bệnh, "sốc" vẫn xảy ra.

Những vấn đề nêu trên cần được trao đổi thảo luận để rút ra những điều cần phải làm và áp dụng một cách nghiêm chỉnh để hạn chế rủi ro, nâng cao năng suất và hiệu quả nuôi tôm BTC & TC trong thời gian tới.

Về kỹ thuật nuôi tôm BTC và TC cần thực hiện nghiêm túc những vấn đề sau :

1/ Nuôi theo mô hình nuôi tôm ít thay nước, chỉ thay nước lúc cần.

2/ Công trình ao nuôi xây dựng ở vùng cao,

trung triều; nguồn nước không bị ô nhiễm, không phèn nặng. Ao nuôi có diện tích từ 2.000 - 6.000 m²; ao sâu 1 - 1,5m ao không rò rỉ, tháo cạn được nước, phơi được đáy ao. Có ao lắng lọc bằng 1/3 - 1/4 diện tích ao nuôi; có trang bị máy bơm, hệ thống quạt nước, sục khí, máy đo pH, độ mặn, nhiệt độ.

3/ Con giống tốt, đồng cỡ, thả giống P₁₅ hoặc P₂₀₋₂₅. Có hộ thả P₁₅ trong giai ương 3 - 7 ngày rồi bung ra ao hoặc ương trong ao đất, bể xi măng. Mật độ thả 10 - 20 con/m²; cá biệt có nơi thả 30 - 40 con/m².

Việc sinh sản nhân tạo tôm giống tại các địa phương ở miền Nam như Cà Mau năm 1999 sản xuất gần 1 tỷ PL tôm sú, Bạc Liêu 80 triệu PL; Vũng Tàu trên 500 triệu PL; Bến Tre trên 10 triệu PL đã giảm bớt nhập tôm sú giống ở ngoài tỉnh, bảo đảm nguồn tôm giống chủ động, an toàn hơn, có ý nghĩa khoa học, kinh tế, xã hội cực kỳ to lớn.

4/ Thức ăn. Hầu hết người nuôi tôm BTC và TC đã sử dụng thức ăn công nghiệp KP - 90 ... ngày cho ăn nhiều lần và dùng vỏ để kiểm tra thức ăn.

5/ Quản lý môi trường nước. Ao trước khi thả giống được cải tạo kỹ. Nước được xử lý qua ao lắng lọc. Các hộ nuôi đã quan tâm theo dõi biến động các yếu tố môi trường như pH, nhiệt độ, độ mặn để kịp thời xử lý và đã mua sắm các dụng cụ đo xác định hằng ngày. Dùng máy quạt nước, máy sục khí, máy bơm để tăng ôxy, gom cặn bã

trong ao để hút ra ngoài. Những lúc nắng nóng kéo dài hay mưa lớn cần tăng cường kiểm tra để xử lý bảo đảm môi trường ổn định, tránh tôm bị "sốc".

Nhiều địa phương đã quan tâm đến chỉ đạo, khuyến cáo nông dân nuôi tôm đúng mùa vụ; nuôi tôm 1 vụ chính còn các vụ khác bỏ hoang hoặc nuôi trồng cây con khác như nuôi 1 vụ tôm + 1 vụ lúa, nuôi 1 vụ tôm + vụ sò hoặc cá để ngăn ngừa bệnh. Cách làm này có hiệu quả và ít rủi ro hơn.

Năm 2000, ngành thủy sản thực hiện chương trình phát triển nuôi trồng thủy sản thời kỳ 1999 - 2010 đã được chính phủ phê duyệt. Mục tiêu nuôi tôm sú đến năm 2010 là : diện tích nuôi 260.000 ha, sản lượng 360.000 tấn, giá trị xuất khẩu 1,4 tỷ USD. Chương trình sẽ thực hiện với những biện pháp đồng bộ, tạo bước đột phá về công nghệ nhất là công nghệ sản xuất tôm giống.

Các địa phương đã có chương trình nuôi trồng thủy sản năm 2000 - 2010; trong đó có chương trình nuôi tôm và đã tiến hành quy hoạch vùng nuôi tôm nguyên liệu gắn với cơ sở chế biến xuất khẩu. Nhiều địa phương đã phân công các đơn vị chế biến thủy sản xuất khẩu xây dựng mô hình nuôi tôm sú BTC, TC và phát triển ra thành vùng nguyên liệu cho nhà máy. Hy vọng, trong thời gian tới, nghề nuôi tôm sú TC và BTC sẽ trở thành một nghề nuôi được phát triển bền vững ở ĐBSCL.

Nguyễn Bằng

Ngay từ đầu năm 2000, Tỉnh hội Hội nuôi thủy sản Thanh Hoá đã phối hợp chặt chẽ với khuyến ngư của tỉnh mở 6 lớp tập huấn, 2 cuộc hội thảo, tổ chức 2 đoàn đi thăm quan kỹ thuật nuôi tôm sú thâm canh ở miền Nam. Hướng dẫn kỹ thuật cho hội viên và nhân dân nuôi ngao ở bãi triều, vùng cửa lạch, thu hút được hàng ngàn lao động ra bãi triều nuôi ngao đạt hiệu quả cao, nhiều hội viên thu từ 50 - 100 triệu đồng/năm. Theo dõi nuôi cá mú, cá cam lồng ở biển Tĩnh Gia; Xây dựng 3 mô hình nuôi tôm sú bán thâm canh năng suất 800 kg/ha.vụ. Xây dựng lịch thời vụ phù hợp thực tế, tổ chức chỉ đạo sản xuất và di giống tôm sú từ miền Nam ra kịp thời vụ, đáp ứng yêu cầu con giống cho dân nuôi. Hướng dẫn cho hội viên và nhân dân về kỹ thuật cải tạo ao, đầm, phòng trị bệnh, tăng cường chăm sóc, bảo vệ. Từ đó phong trào nuôi thủy sản nước lợ phát triển đều khắp các huyện ven biển với khí thế sôi động : Diện tích nuôi tôm sú năm 1999 đạt 1.550 ha, năm 2000 tăng lên 2.000 ha; nuôi ngao năm 1999 đạt 300 ha, 6 tháng đầu năm 2000 tăng lên 400 ha.

Về hiệu quả kinh tế, số liệu sơ kết 6 tháng đầu năm của tỉnh Thanh Hoá như sau :

- Nuôi tôm nước lợ đạt 3.150 tấn đạt 57% KH

TỈNH HỘI NUÔI THỦY SẢN THANH HOÁ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2000 HOẠT ĐỘNG CÓ HIỆU QUẢ

bằng 159% so cùng kỳ năm 1999.

- Nuôi nước ngọt đạt 3.500 tấn đạt 54% KH bằng 101% so cùng kỳ năm 1999.

- Xuất khẩu thủy sản đạt 7,5 triệu USD đạt 53% KH, bằng 14% so cùng kỳ năm 1999.

- Sản xuất cá giống đạt 540 triệu con cá bột đạt 77% KH.

- Sản xuất và di giống tôm sú 63 triệu con P15 đạt 150% KH, bằng 180% so cùng kỳ năm 1999, trong đó tự sản xuất được 13 triệu con.

Sự phối hợp chặt chẽ công tác khuyến ngư với sự hoạt động của Hội đã tạo được cầu nối đưa khoa học kỹ thuật về với dân, sản xuất kinh doanh có hiệu quả. Về tổ chức cơ sở của Hội, đã củng cố 6 Huyện hội, 80% Chi hội hoạt động thiết thực nên vai trò của Hội được phát huy.

**Lê Hữu Nhac - Ủy viên thường vụ
TW Hội trực miền Bắc**

SỬ DỤNG TẾ BÀO CÔN TRÙNG Sf9 ĐỂ NGHIÊN CỨU VÀ CHẨN ĐOÁN NHANH CÁC BACULOVIRUS GÂY BỆNH CHO TÔM

Trong các trại nuôi tôm, bệnh do virus gây ra cho tôm đang ngày càng phát triển, đặc biệt ở vùng châu thổ sông Mê Kông. Trong đó nhiều loại bệnh vẫn chưa có thuốc chữa trị. Nhiều nhà khoa học trên thế giới và ở Việt Nam đã tiến hành nhiều nghiên cứu nhằm xây dựng một hệ thống kiểm dịch, chẩn đoán nhanh, chính xác và ít tốn kém nhằm mục đích có thể khống chế được các loại bệnh tôm. Chúng tôi xin giới thiệu tóm tắt công trình hợp tác của các nhà nghiên cứu gồm: Văn Thị Hạnh, Nguyễn Văn Uyển (Viện sinh học nhiệt đới), Trần Thị Minh Tâm (Viện Nuôi trồng thủy sản II), Nguyễn Trọng Bình (Viện Hoá sinh hữu cơ Paolo Alto, USA) về sử dụng tế bào côn trùng Sf9 để nghiên cứu và chẩn đoán nhanh các baculovirus gây bệnh cho tôm.

Từ năm 1993, các baculovirus giống nhau gây chết rất nhiều cho tôm penaeid ở nhiều nước như Trung Quốc, Nhật Bản, Triều Tiên, Thái Lan, Đài Loan. Tất cả các bệnh do các virus này được đặc trưng bởi các đốm trắng ở vỏ kitin. Virus gây bệnh cho tôm là các baculovirus, có các đặc điểm khi ký sinh tạo ra các thể vùi (Polyhedra Inclusion Body - PIB) lớn. Các thể này có thể tồn tại độc lập và bền vững ngoài môi trường tự nhiên và gây nhiễm lại cho các cá thể khác với tốc độ rất nhanh. Thông thường, các quy trình chẩn đoán bệnh baculovirus của tôm chủ yếu dựa vào các dấu hiệu và sự kiểm tra mô học con vật chết. Ứng dụng thực tế của các quy trình này đôi khi rất khó khăn và độ nhạy thường rất hạn chế. Ngày nay, sự chẩn đoán các probe gene có độ nhạy và đặc hiệu cao có thể được dùng làm công cụ chẩn đoán sớm sự nhiễm bệnh đốm trắng. Tuy vậy, đây cũng là một phương pháp khá phức tạp trong điều kiện hiện nay ở Việt Nam.

Các nhà nghiên cứu đã tiến hành gây nhiễm một số virus thu được từ các mẫu tôm bị bệnh trên tế bào của dòng côn trùng Sf9 và thu được kết quả hết sức khả quan. Điều này mở ra khả năng sử dụng tế bào côn trùng

để chẩn đoán nhanh bệnh virus của tôm và tiến hành các nghiên cứu ứng dụng khác trên đối tượng này, đặc biệt là hướng tạo vắc xin phòng trị bệnh cho tôm.

Kết quả nghiên cứu cho thấy baculovirus khi gây nhiễm tạo ra hai dạng: - ECV, là dạng gây nhiễm tế bào nuôi cấy và tế bào bên trong một cơ thể vật chủ, hình thành ở giai đoạn sớm của quá trình gây nhiễm. - Thể vùi (PIB) là dạng thể khối đa diện, có vỏ bọc lớn, được hình thành trong nhân tế bào ở giai đoạn muộn của quá trình gây nhiễm. Dạng này tồn tại trong môi trường, gây nhiễm các cá thể trong quần thể.

Biểu hiện của tế bào dòng côn trùng Sf9 nhiễm virus tôm: Các baculovirus hại tôm có hiệu ứng gây nhiễm rất cao đối với tế bào của dòng côn trùng Sf9. Trạng thái của tế bào thay đổi rõ rệt và rất nhanh. Một ngày sau khi gây nhiễm, đã quan sát thấy rõ thể vùi trong tế bào. (So với baculovirus côn trùng, hiện tượng này chỉ quan sát rõ sau 3 ngày gây nhiễm). 11 giờ sau khi gây nhiễm, thể vùi đã bắt đầu ra khỏi tế bào. Điều này chứng tỏ, khi một quần thể tôm bị bệnh baculovirus, thì tốc độ tiến triển của bệnh sẽ xảy ra rất nhanh.

Bảng 1: Trạng thái của tế bào sau khi gây nhiễm

Thời gian	Trạng thái của tế bào sau khi gây nhiễm
5 - 8 giờ	Màng tế bào phồng nhiều chỗ. Nhìn rõ thể hạt trong nhân và trong tế bào chất
11 giờ - 1 ngày	Phần lớn tế bào đã bị nhiễm, hình dạng thay đổi rõ rệt, tế bào từ dạng tròn trở thành dạng amip, không phân chia. Đa số tế bào rụng khỏi bề mặt. Thể vùi lớn tràn ra khỏi nhân và bắt đầu ra ngoài tế bào.
2- 3 ngày	Toàn bộ tế bào đã bị nhiễm, phồng rất to, thể vùi dày đặc trong tế bào chất và trong dịch nuôi cấy

Kết quả chuẩn độ mẫu: Bảng 1 cho thấy tất cả các mẫu thu được ở các địa điểm có dịch bệnh, đều được xác định có mặt baculovirus với mật độ rất cao. Kết quả này cũng cho

thấy tằm đang ở trong thời kỳ ủ bệnh (còn khỏe) có mật độ ECV cao hơn tằm đã bị bệnh nặng. Thể vùi hình thành trong tế bào với tốc độ rất nhanh và số lượng lớn.

Bảng 2: Mật độ ECV và (PIB) sau 3 ngày gây nhiễm

Mẫu	Tình trạng tằm bệnh	Mật độ ECV (pfu/ml)	Mật độ PIB/ml		PIB/Tế bào
			1 ngày	3 ngày	
Pm-CĐLA	Tằm bị bệnh, yếu	$1,6 \times 10^8$	$1,5 \times 10^8$	$1,8 \times 10^8$	150
Pm-TR V1	Tằm ở ao khỏe cạnh ao bị bệnh	$1,8 \times 10^8$	$1,8 \times 10^8$	$2,0 \times 10^8$	166
Pm-TR V2	Tằm còi cọc còn sót lại trong ao bị bệnh	$1,2 \times 10^8$	$1,2 \times 10^8$	$1,5 \times 10^8$	125
Pm-TR V3	Tằm biểu hiện rõ bệnh đốm trắng	$1,6 \times 10^8$	$1,6 \times 10^8$	$1,7 \times 10^8$	142

Kết quả cấy chuyển ECV trên tế bào của dòng côn trùng Sf9:

Việc cấy chuyển nhiều lần được tiến hành nhằm khẳng định sự có mặt và khả năng nhân lên của các baculovirus tằm trong tế bào nuôi cấy. Thu dịch tế bào sau khi gây nhiễm 2 ngày, ly tâm 1000 v/phút trong 3 phút. Dịch này được dùng cho các lần gây nhiễm tiếp theo sau (P1, P2)

Bảng 2 cho thấy, sau 2 lần cấy chuyển, baculovirus tằm nhân lên ổn định trong tế bào nuôi cấy.

Bảng 3: Mật độ ECV sau khi cấy chuyển

Tên mẫu	Mật độ ECV (pfu/ml)		
	P ₀	P ₁	P ₂
Pm-CĐLA	$1,6 \times 10^8$	$1,0-1,5 \times 10^9$	$1,0-1,2 \times 10^9$

Xác định hàm lượng protein của virus của dịch tế bào nuôi:

Qua các kết quả nghiên cứu, có thể khẳng định rằng các baculovirus tằm gây nhiễm rất mạnh trong tế bào của dòng côn trùng Sf9. Điều này mở ra khả năng sử dụng hệ tế bào này để tiến hành các nghiên cứu bệnh virus ở tằm và các hướng phòng trừ bệnh này.

Tốc độ gây nhiễm và nhân lên rất nhanh của các virus trong tế bào có thể là một chỉ tiêu đánh giá và chẩn đoán nhanh bệnh baculovirus tằm.

Bảng 4: Hàm lượng protein của dịch tế bào nhiễm virus

Mẫu đo	Hàm lượng protein của mẫu đo (µg/ml)	Hàm lượng protein của virus (µg/ml)
Dịch tế bào đối chứng	2022	
Pm-CĐLA (P ₁)	3042	1020
Pm-TV1 (P ₁)	2067	45
Pm-TV1 (P ₂)	2663	641
Pm-TV (P ₂)	2124	102

Trong các bài báo đã được công bố về bệnh đốm trắng ở tằm, người ta đã xác định các baculovirus này thuộc họ phụ Nudibaculovirinae - là các baculovirus không tạo thể vùi, nhưng các kết quả mà chúng tôi thu được cho thấy rất rõ thể vùi trong tế bào. Vì vậy, cần phải tiến hành phân lập, điện di ADN và phân tích PCR để định danh chính xác các baculovirus gây bệnh cho tằm ở Việt Nam.

Nguồn : Tạp chí sinh học T9/99

BẢO QUẢN, CHẾ BIẾN, THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Để thiết thực chào mừng Đại Hội Thi đua toàn ngành thủy sản và Đại Hội Thi đua toàn quốc năm 2000, Ban chấp hành Công đoàn ngành thủy sản đã phối hợp với Công đoàn ngành thủy sản tổ chức Hội thi "Bàn tay vàng" chế biến thủy sản lần thứ nhất. Mặc dù gặp rất nhiều khó khăn về kinh phí, thời gian và người tổ chức nhưng được sự quan tâm của lãnh đạo Bộ Thủy sản, các Sở Thủy sản và sự hưởng ứng của các doanh nghiệp. Hội thi đã được tổ chức tại hai nơi: Hội thi khu vực phía Bắc tổ chức tại Công ty Xuất khẩu thủy sản II thuộc huyện Yên Hưng, Quảng Ninh trong 2 ngày 19 - 20 tháng 6 năm 2000 và Hội thi khu vực phía Nam được tổ chức tại Xí nghiệp Chế biến thủy súc sản xuất khẩu Cần Thơ trong 2 ngày 24 - 25 tháng 6 năm 2000.

Có 6 đơn vị tham gia Hội thi "Bàn tay vàng" khu vực phía Bắc Là Công ty XNK hải sản Sông Hương (Thừa Thiên Huế), Công ty XNK thủy sản Nghệ An (Nghệ An), Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long, Công ty Chế biến TSXK Hải Phòng (Hải Phòng), Công ty XKTS I Quảng Ninh, Công ty XKTS II Quảng Ninh (Quảng Ninh) với tổng số 34 công nhân, chia thành 10 đội. Các công nhân thi 2 môn là chế biến tôm đông lạnh block, chế biến mực ống phi lê block. Với các công đoạn xử lý tôm, phân cỡ tôm, xếp khuôn tôm, xử lý mực, phân cỡ mực, xếp khuôn mực. Kết quả là có 20 công nhân đạt danh hiệu "Bàn tay vàng", trong đó Công ty XKTS I Quảng Ninh 4 người, Công ty XKTS II Quảng Ninh 4 người, Công ty Cổ phần đồ hộp Hạ Long 3 người, Công ty Chế biến TSXK Hải Phòng 4 người, Công ty XNKTS Nghệ An 1 người, Công ty XNK hải sản Sông Hương 4 người. Ngoài ra, Ban giám khảo còn trao tặng 6 giải nhất, 6 giải nhì và 8 giải ba cho các cá nhân trong từng công đoạn thi. Giải nhất tập thể thuộc về Công ty Chế biến TSXK Hải Phòng, Công ty XKTS II Quảng Ninh đoạt giải nhì và Công ty XNK Hải sản Sông Hương đoạt giải ba.

Hội thi "Bàn tay vàng" khu vực phía Nam có 9 đơn vị tham gia là Công ty TSXNK tổng hợp Sóc Trăng, Công ty đông lạnh XNKTS Bến Tre, Công ty kinh doanh XNKTS Cái Đôi Vàm (Cà Mau). Tổng công ty TS Việt Nam, Công ty XNKTS miền Trung, Công ty TS Tiền Giang và XN Chế biến TSSXK Cần Thơ.

Số công nhân tham gia thi là 48 người, chia thành 16 đội, chỉ có một môn là chế biến tôm đông lạnh block với các công đoạn: xử lý, phân cỡ và xếp khuôn tôm. Kết thúc Hội thi, có 27 công nhân đạt danh hiệu Bàn tay vàng, trong đó Cần Thơ có 10 người, Cà Mau 4 người, Tổng Công ty TS Việt Nam 4 người, Tiền Giang 2 người, Sóc

Trăng 1 người, Công ty Cái Đôi Vàm 1 người, Năm Căn 2 người, Bến Tre 2 người và Công ty XNKTS miền Trung 1 người. Ngoài ra, các giải cá nhân gồm 3 giải nhất, 3 giải nhì và 3 giải ba. Đội 3 thuộc Xí

HỘI THI "BÀN TAY VÀNG" CHẾ BIẾN THỦY SẢN LẦN THỨ NHẤT

ngiệp Chế biến thủy súc sản XK Cần Thơ đạt giải nhất tập thể, Đội 1 công ty chế biến TSXNK Cà Mau giải nhì và Đội 1, Xí nghiệp Chế biến thủy súc sản Cần Thơ giải ba.

Cả 2 đợt thi đã chứng tỏ tay nghề của các nữ công nhân chế biến thủy sản Việt Nam rất tốt, nếu được đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên lao động chế biến thủy sản của ta cũng sẽ không thua kém gì các nước khác. Thứ trưởng Bộ Thủy sản, Chủ tịch Công đoàn ngành thủy sản Nguyễn Việt Thắng đã chỉ đạo sát sao Hội thi kể từ khâu tổ chức, triển khai và tuyên truyền của Hội thi. Qua Hội thi "Bàn tay vàng" chế biến thủy sản, giá trị đích thực của những người lao động chân chính đã được tôn vinh. Đây chính là món quà có ý nghĩa nhất mà những người làm công tác Công đoàn ngành thủy sản muốn trao tặng cho những người lao động giỏi, các Chiến sĩ thi đua và Anh hùng Lao động trong toàn Ngành Thủy sản.

CD.

DANH MỤC HÀNG THUỶ SẢN VÀ THUẾ SUẤT CỦA VIỆT NAM ĐỂ THỰC HIỆN HIỆP ĐỊNH VỀ ƯU ĐÃI THUẾ QUAN CỦA CÁC NƯỚC ASEAN CHO NĂM 2000

Ngày 21 tháng 3 năm 2000, Chính phủ đã ban hành nghị định số 09/ 2000/ NĐ - CP về ban hành Danh mục hàng hoá và thuế suất của Việt Nam để thực hiện Hiệp định về ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung (CEPT) của các nước ASEAN cho năm 2000. Chúng tôi xin giới thiệu danh mục hàng thuỷ sản được giới thiệu trong chương 3 để các doanh nghiệp tham khảo. Số này sẽ giới thiệu các nhóm 0301-0304 gồm cá tươi sống, cá ướp đông, cá phi lê:

Mã HS	Mô tả hàng hoá	Thuế suất ưu đãi (%)	Thuế suất CEPT (%)
03	Chương 3. Cá và động vật giáp xác, động vật thân mềm và động vật không xương sống, sống dưới nước khác		
0301	Cá sống		
0301.10.00	- Cá cảnh	30	20
	- Các loại cá sống:		
0301.91	- - Cá hồi (<i>Salmo trutta</i> , <i>Oncorhynchus mykiss</i> , <i>Oncorhynchus clarki</i> , <i>Oncorhynchus aquabonita</i> , <i>Oncorhynchus gilae</i> , <i>Oncorhynchus apache</i> và <i>Oncorhynchus chrysogaster</i>):		
0301.91.10	- - - Giống	0	0
0301.91.90	- - - Loại khác	30	10
0301.92	- - Cá chình (<i>Anguilla spp</i>):		
0301.92.10	- - - Giống	0	0
0301.92.90	- - - Loại khác	30	10
0301.93	- - Cá chép :		
0301.93.10	- - - Giống	0	0
0301.93.90	- - - Loại khác	30	10
0301.99	- - Các loại khác :		
0301.99.10	- - - Giống	0	0
0301.99.90	- - - Loại khác	30	10
0302	Cá tươi hoặc ướp lạnh (trừ phi lê cá và các loại thịt cá khác thuộc nhóm 0304)		
	- Cá hồi, trừ gan và trứng cá:		
0302.11.00	- - Cá hồi (<i>Salmo trutta</i> , <i>Oncorhynchus mykiss</i> , <i>Oncorhynchus clarki</i> , <i>Oncorhynchus aquabonita</i> , <i>Oncorhynchus gilae</i> , <i>Oncorhynchus apache</i> và <i>Oncorhynchus chrysogaster</i>)	30	10
0302.12.00	- - Cá hồi Thái Bình Dương (<i>Oncorhynchus nerka</i> , <i>Oncorhynchus gorbuscha</i> , <i>Oncorhynchus keta</i> , <i>Oncorhynchus tshawytscha</i> , <i>Oncorhynchus kisutch</i> , <i>Oncorhynchus masou</i> và <i>Oncorhynchus rhodurus</i>), Đại Tây Dương (<i>Salmo salar</i>) và cá hồi sông Đa-nuýp (<i>Hucho hucho</i>)	30	10

Mã HS	Mô tả hàng hoá	Thuế suất ưu đãi (%)	Thuế suất CEPT (%)
	-- Cá hồi khác	30	10
0301.19.00	- Cá bơn (<i>Pleuronectidae</i> , <i>Bothidae</i> , <i>Cynoglossidae</i> , <i>Soleidae</i> , <i>Scophthalmidae</i> và <i>Citharidae</i>), trừ gan và trứng cá:		
0302.21.00	-- Cá bơn lưỡi bò (<i>Halibut</i>) (<i>Reinhardtius hippoglossoides</i> , <i>Hippoglossus hippo-glossus</i> , <i>Hippoglossus stenolepis</i>)	30	10
0302.22.00	-- Cá bơn sao (<i>Pleuronectes platessa</i>)	30	10
0302.23.00	-- Cá bơn sole (lá mít) (<i>Solea spp.</i>)	30	10
0302.29.00	-- Cá bơn khác	30	10
	- Cá ngừ (Thuộc dòng <i>Thunus</i>), cá ngừ bơi ngược dòng hoặc cá ngừ bụng có sọc (<i>Euthynnus (Katsuwonus) pelamis</i>), trừ gan và trứng cá:		
0302.31.00	-- Cá ngừ trắng hoặc vây dài (<i>Thunnus alalunga</i>)	30	10
0302.32.00	-- Cá ngừ vây vàng (<i>Thunnus albacares</i>)	30	10
0302.33.00	-- Cá ngừ bụng có sọc hoặc cá ngừ bơi ngược dòng	30	10
0302.39.00	-- Cá ngừ khác	30	10
0302.40.00	- Cá trích (<i>Clupea harengus</i> , <i>Clupea pallasii</i>), trừ gan và trứng cá	30	10
0302.50.00	- Cá tuyết (<i>gadus morhua</i> , <i>Gadus ogac</i> , <i>gadus acrocephalus</i>), trừ gan và bọc trứng cá - Cá khác, trừ gan và bọc trứng cá:	30	10
0302.61.00	-- Cá Sác-đin (<i>Sardina pilchardus</i> , <i>Sardinops spp.</i>), cá Sác-đin loại nhỏ (<i>Sardinella spp.</i>), và cá trích còm (<i>Spattus spattus</i>)	30	10
0302.62.00	-- Cá tuyết chấm đen (<i>Melanogrammus aeglefinus</i>)	30	10
0302.63.00	-- Cá tuyết đen (<i>Pollachius virens</i>)	30	10
0302.64.00	-- Cá thu (<i>Scomber scombrus</i> , <i>Scomber australasicus</i> , <i>Scomber japonicus</i>)	30	10
0302.65.00	-- Cá nhám góc và cá mập khác	30	10
0302.66.00	-- Cá trình (<i>Anguilla spp.</i>)	30	10
0302.69.00	-- Loại khác	30	10
0302.70.00	- Gan và bọc trứng cá	30	10
0303	Cá ướp đông, trừ phôi của cá và các loại thịt khác của cá thuộc nhóm 0304		
0303.10.00	- Cá hồi Thái Bình Dương (<i>Oncorhynchus nerka</i> , <i>Oncorhynchus gorboscha</i> , <i>Oncorhynchus keta</i> , <i>Oncorhynchus tshawytscha</i> , <i>Oncorhynchus kisutch</i> , <i>Oncorhynchus masou</i> và <i>Oncorhynchus rhodurus</i>), trừ gan và trứng cá	30	10
	- Cá hồi khác, trừ gan và trứng cá:		
0303.21.00	-- Cá hồi (dòng <i>Salmo</i>) (<i>Salmo trutta</i> , <i>Oncorhynchus mykiss</i> , <i>Oncorhynchus clarki</i> , <i>Oncorhynchus aquabonita</i> , <i>Oncorhynchus gilae</i> , <i>Oncorhynchus apache</i> và <i>Oncorhynchus chrysogaster</i>)	30	10
0303.22.00	-- Cá hồi Đại Tây Dương (<i>Salmo salar</i>) và cá hồi sông Đa-nuýp (<i>Hucho hucho</i>)	30	10

Mã HS	Mô tả hàng hoá	Thuế suất ưu đãi (%)	Thuế suất CEPT (%)
0303.29.00	-- Cá hồi khác - Cá bơn (<i>Pleuronectidae</i> , <i>Bothidae</i> , <i>Cynoglossidae</i> , <i>Soleidae</i> , <i>Scophthalmidae</i> và <i>Citharidae</i>), trừ gan và trứng cá:	30	10
0303.31.00	-- Cá bơn lưỡi bò (<i>Halibut</i>) (<i>Reinhardtius hippoglossoides</i> , <i>Hippoglossus hippo-glossus</i> , <i>Hippoglossus stenolepis</i>)	30	10
0303.32.00	-- Cá bơn sao (<i>Pleuronectes platessa</i>)	30	10
0303.33.00	-- Cá bơn sole (lá mít) (<i>Solea spp.</i>)	30	10
0303.39.00	-- Cá bơn khác - Cá ngừ bơi ngược dòng (of the genus <i>Thunnus</i>) hoặc cá ngừ bụng có sọc (<i>Euthynnus (Katsuwonus) pelamis</i>), trừ gan và trứng cá:	30	10
0303.41.00	-- Cá ngừ trắng hoặc vây dài (<i>Thunnus alalunga</i>)	30	10
0303.42.00	-- Cá ngừ vây vàng (<i>Thunnus albacares</i>)	30	10
0303.43.00	-- Cá ngừ bụng có sọc hoặc cá ngừ bơi ngược dòng	30	10
0303.49.00	-- Cá ngừ loại khác	30	10
0303.50.00	- Cá trích, trừ gan và trứng cá (<i>Clupea harengus</i> , <i>Clupea pallasii</i>)	30	10
0303.60.00	- Cá tuyết (<i>Gadus morhua</i> , <i>Gadus ogac</i> , <i>gadus macrocephalus</i>), trừ gan và trứng cá - Cá khác, trừ gan và trứng cá:	30	10
0303.71.00	-- Cá Sác-đin (<i>Sardina pilchardus</i> , <i>Sardinops spp.</i>), cá Sác-đin loại nhỏ (<i>Sardinella spp.</i>), và cá trích cơm (<i>Spattus spattus</i>)	30	10
0303.72.00	-- Cá tuyết chấm đen (<i>Melanogrammus aeglefinus</i>)	30	10
0303.73.00	-- Cá tuyết đen (<i>Pollachius virens</i>)	30	10
0303.74.00	-- Cá thu (<i>Scomber scombrus</i> , <i>Scomber australasicus</i> , <i>Scomber japonicus</i>)	30	10
0303.75.00	-- Cá nhám và cá mập khác	30	10
0303.76.00	-- Lươn (<i>Anguilla spp.</i>)	30	10
0303.77.00	-- Cá sói biển (<i>Dicentrarchus labrax</i> , <i>Dicentrarchus punctatus</i>)	30	10
0303.78.00	-- Cá Meluc (<i>Merluccius spp.</i> , <i>Urophycis</i>)	30	10
0303.79.00	-- Cá khác	30	10
0303.80.00	- Gan và trứng cá	30	10
0304	Phi lê cá và các loại thịt khác của cá (xay hoặc không xay), tươi, ướp lạnh hoặc ướp đông		
0304.10.00	- Tươi hoặc ướp lạnh	30	10
0304.20.00	- Phi lê cá ướp đông	30	10
0304.90.00	- Loại khác	30	10

VIỆT NAM KÝ THỎA ƯỚC VỚI HÀN QUỐC VỀ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG THUỶ SẢN

Được sự đồng ý của Bộ Thủy sản Việt Nam và Bộ Hải dương và Thủy sản Hàn Quốc, sau một thời gian chuẩn bị, ngày 06/7/2000 tại Hà Nội, hai cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong kiểm soát chất lượng và an toàn vệ sinh thủy sản của Việt Nam là Trung tâm Kiểm tra Chất lượng và Vệ sinh Thủy sản (NAFIQACEN) và Cục Thanh tra thủy sản Hàn Quốc (NFPIS) đã ký văn bản thỏa thuận hợp tác trong lĩnh vực kiểm soát chất lượng và an toàn vệ sinh thủy sản xuất nhập khẩu giữa 2 nước.

Theo thỏa ước này, hằng năm hai cơ quan NAFIQACEN và NFPIS sẽ :

- Trao đổi cho nhau các qui định của mỗi nước về kiểm soát an toàn vệ sinh trong sản xuất thủy sản.

- Trao đổi kinh nghiệm trong hoạt động kiểm soát chất lượng và an toàn vệ sinh sản xuất

thủy sản giữa hai cơ quan thông qua các hoạt động trao đổi chuyên gia, tổ chức các cuộc hội thảo hoặc mở các lớp đào tạo.

- Trên cơ sở xem xét năng lực phòng kiểm nghiệm và tổ chức kiểm tra mẫu, bên này sẽ công nhận kết quả kiểm tra chứng nhận chất lượng và vệ sinh cho lô hàng của nước kia nhập khẩu vào nước mình mà không thực hiện việc lấy mẫu kiểm tra lại như trước đây (không kiểm tra hai lần).

Được biết năm 1999, hàng thủy sản Việt Nam xuất vào Hàn Quốc đạt 43 triệu USD và hàng thủy sản Hàn Quốc nhập khẩu vào Việt Nam đạt 270.000 USD.

Thỏa thuận này có hiệu lực 5 năm kể từ ngày ký và mặc nhiên được gia hạn 5 năm tiếp nếu trước ngày hết hạn 6 tháng không có bên nào đề nghị ngừng việc thực hiện.

EU CHẤP NHẬN DANH SÁCH 40 DOANH NGHIỆP ĐƯỢC PHÉP XUẤT KHẨU VÀO EU

EU đã có thông báo chính thức về việc chấp nhận danh sách 40 doanh nghiệp Việt Nam được phép xuất khẩu thủy sản vào thị trường EU trong đó có 29 doanh nghiệp cũ và 11 doanh nghiệp mới bổ sung theo đề nghị của NAFIQUACEN hồi đầu tháng 5 năm 2000.

Kể từ ngày 12/7/2000, những lô hàng của 11 doanh nghiệp mới được bổ sung sản xuất từ ngày 5/5/2000 (ngày NAFIQACEN đăng ký bổ sung với EU) sẽ được NAFIQACEN kiểm tra, nếu đạt yêu cầu sẽ được cấp giấy chứng thư cho phép xuất khẩu vào EU.

Danh sách 11 cơ sở chế biến thủy sản kèm theo công thư số: 268 CL/TH ngày 5/5/2000		
TT	Mã số	Tên doanh nghiệp
1	010 DL 10	Xí nghiệp Chế biến Thủy đặc sản số 10
2	014 DL 16	Xí nghiệp Đông lạnh Qui Nhơn
3	020 DL 25	Công ty Chế biến thủy sản và Xuất khẩu Cà Mau - Xí nghiệp II
4	039 DL 105	Công ty Nông sản Viễn Thắng
5	049 DL 23	Công ty thủy sản XNK tổng hợp Sóc Trăng, XnDL Khánh Lợi
6	049 DL 124	Công ty liên doanh chế biến thủy sản Minh Hải
7	083 DL 53	Công ty thương mại và dịch vụ tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, XN chế biến TS Phước Cơ
8	084 DL 143	Công ty TNHH thương mại Toàn Sáng, Nhà máy DL Toàn Sáng
9	085 DL 145	Xí nghiệp Chế biến Thủy sản Minh Phú
10	086 DL 146	Công ty TNHH Công nghiệp Thực phẩm Pataya (Việt Nam)
11	087 DL 147	Công ty TNHH Vĩnh Hoàn

Khuyến ngư *

P hát triển sản xuất thủy sản phải gắn liền với bảo vệ môi trường sinh thái. Đó là đạo lý để có sự phát triển bền vững. Để khẳng định điều này ngay từ khi tách tỉnh, Sóc Trăng đã xác định cho mình 2 thế mạnh chiến lược là Nông nghiệp và Thủy sản, với đặc thù riêng Sóc Trăng có 3 vùng sinh thái ngọt, lợ, mặn. Từ những năm tám mươi, nghề nuôi tôm nước mặn, lợ ở Sóc Trăng đã hình thành, song chủ yếu nuôi bằng nguồn giống tự nhiên, lấy giống theo con nước, nguồn lợi thu được từ tôm, cá, cua trong vuông nuôi khá cao, từ đó đã kích thích nông dân các tỉnh ven biển Đồng bằng sông Cửu Long chặt phá rừng kể cả rừng trồng để mở rộng diện tích mặt nước ao vuông nuôi, trong đó có Vĩnh Châu của Sóc Trăng.

Song song với phong trào nuôi tôm bằng giống tự nhiên, việc thả thêm giống tôm thẻ, sú sinh sản nhân tạo đã bắt đầu và có nhu cầu về con giống ngày càng cao. Từ đó việc ứng dụng chuyển giao các thành tựu khoa học kỹ thuật cho đẻ, ương nuôi giống tôm thẻ, sú nhân tạo cho nông dân đã từng bước phát triển, trong phong trào đó nghề nuôi tôm sú ở Sóc Trăng cũng từng bước vươn lên bằng tri thức của Đảng bộ (Nghị quyết 07 của Tỉnh Ủy), sự quản lý điều hành của Ủy ban Nhân dân tỉnh và sự quan tâm chỉ đạo của Bộ Thủy sản, sự giúp đỡ của các Viện, Trường, sự phối hợp chỉ đạo chặt chẽ của các ban, ngành, đoàn thể, chính quyền các cấp ... Nông dân Sóc Trăng đã vươn lên từ mô hình tôm - lúa, mô hình được ông Vũ Đình Liệu - Chủ tịch Hội nuôi tôm Việt Nam và giáo sư tiến sĩ Võ Tông Xuân đánh giá là mô hình nuôi thủy sản bền vững nhất ở đồng bằng sông Cửu Long.

Trước hết về mặt kinh tế - xã hội mô hình nuôi tôm sú luân canh trên diện tích trồng độc canh 1 vụ lúa, đã góp phần làm tăng cao thu nhập của nông dân từ hiệu quả nuôi tôm sú chính vụ và cá, tép tự nhiên trong mùa lúa.

Mô hình tôm lúa đã góp phần khai thác hết tiềm năng "Thế mạnh" của vùng đất bị nhiễm

TÔM - LÚA MÔ HÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG KINH TẾ THỦY SẢN CỦA SÓC TRĂNG

mặn lâu đời, vùng không ngọt hoá được hoặc không hiệu quả khi ngọt hoá như bán đảo Vĩnh Châu.

Mô hình tôm lúa đã đưa diện tích vùng đất này từ 01 vụ lúa bắp bình hàng năm lên sản xuất 2 vụ/năm (1 vụ tôm, 1 vụ lúa), năng suất cả lúa lẫn tôm từng bước được nâng lên và sẽ cao hơn nữa nếu được đầu tư đồng bộ hệ thống kênh cấp thoát nước, cống bọng bờ bao, ao vuông chắc chắn. Qua thực tế nhiều năm cho thấy những hộ đầu tư đồng bộ, đúng quy trình kỹ thuật thường thu hoạch đạt hiệu quả cao, ít rủi ro cả vụ tôm lẫn vụ lúa, đã có hàng chục hộ nông dân thu nhập hàng trăm triệu đồng/năm và hàng trăm hộ thu lợi nhuận vài chục triệu đồng/năm nhờ nuôi tôm.

Mô hình sản xuất tôm lúa luân canh cho đại bộ phận nông dân trong vùng đã góp phần ổn định xã hội trong khu vực, đã hạn chế thấp nhất tình trạng sau mỗi mùa lúa, từng đoàn người vai mang nào những len, cước, hái, liềm đi đào thuê, cắt mướn.

Từ mô hình bền vững luân canh tăng vụ 1 lúa - 1 tôm, diện tích nuôi tôm trên nền ruộng lúa từng bước được nhân ra, từ những hiệu quả về mặt kinh tế - xã hội bước đầu cho phép chúng ta tự hào, lạc quan và tin tưởng tuyệt đối vào đường lối đổi mới của Đảng, vào sự lãnh đạo quản lý điều hành của Đảng bộ địa phương, đã lấy hiệu quả kinh tế, chăm lo đời sống cho nhân dân làm nhiệm vụ hàng đầu trong "an dân trị quốc". Tiếng lành vang xa, những người bạn, khách gần xa từ Cà Mau, Bến Tre, Kiên Giang, Thái Lan, cả tập đoàn Ngân hàng Phát triển châu Á ADB đã đến với Sóc Trăng không những trong dịp lễ hội truyền thống - văn hoá dân tộc khu vực đồng bằng sông Cửu Long tổ chức tại Sóc Trăng, mà họ còn đến với vùng kinh tế đặc thù; vùng đất

* Mục Khuyến ngư được thực hiện với sự hợp tác của bộ phận Khuyến ngư, Vụ Nghề cá (Bộ Thủy sản) từ tháng 7/1999

mặn, phèn, chua; vùng bị chiến tranh tàn phá nặng nề; vùng trước khi hình thành mô hình sản xuất luân canh 1 tôm - 1 lúa, nhiều nông dân phải đi làm thuê, cuộc mưu sinh; vùng có nhiều người phải được Nhà nước cứu đói hằng năm khi giáp hạt "ngoài đồng vàng mớ trong nhà mở con mắt". Những vị khách phải vượt bao km đường đất, qua cầu "khỉ" lắc lư để được nghe tận tai, nhìn tận mắt nông dân Sóc Trăng tạo nên dáng vẻ của mô hình kinh tế đặc thù - vừa nuôi tôm sú vừa giữ vững được diện tích lúa, góp phần tăng sản lượng lúa ở địa phương, đảm bảo an ninh lương thực cho khu vực và xuất khẩu, đồng thời tận dụng bờ bao ao vuông trồng rau màu, cây ăn trái, trong đó trồng dừa đã giải quyết phần nào chất đốt cho nông hộ, góp phần giảm được đáng kể nạn chặt phá rừng làm than, củi, đặc biệt là rừng non. Nếu mỗi nhân khẩu trong nông hộ đều trồng được 05 cây dừa thì sẽ ổn định được chất đốt, có như vậy dây rừng phòng hộ ven biển, ven sông mới có cơ may phục hồi, môi trường sinh thái ở địa phương và khu vực mới từng bước ổn định.

Với mô hình tôm - lúa luân canh, mà điển

I vùng vịnh gần thị trấn Mã Công, Bành Hồ, Trung Quốc có loại cá song chuột - một loại cá thân hình con bướm, mõm chuột đây là loại cá thực phẩm rất được ưa chuộng ở thị trường Hồng Kông và Đài Loan, có giá đắt gấp ba lần loài cá song khác.

Cá song thuộc loài cá có giá trị kinh tế cao. Cá song thường ở ven bờ các vùng biển ấm trên thế giới. Chúng được coi là vua hàng động vì thường sống ẩn nấp ở các hang động, kẽ nứt rạn đá, rạn san hô vào ban ngày và đi ăn vào ban đêm, tìm mồi bằng khứu giác.

Cá song là loài cá dữ, bắt ăn cá, tôm, cua nhỏ trong thiên nhiên, khi đói có thể ăn thịt lẫn nhau. Khi còn nhỏ, cá song có thể nuốt cả đồng loại có kích cỡ nhỏ hơn.

Cá song có tập tính nhai thức ăn; khi thức ăn không tươi hoặc không hợp khẩu vị thì nhả ra mà không ăn. Khi được người nuôi cho ăn, cá song chờ thức ăn chìm xuống nước đến một độ sâu nhất định mới từ nơi trú ẩn bơi ra tranh mồi, không ăn thức ăn đã chìm xuống đáy ao nuôi.

Cá song biến đổi màu sắc theo sự thay

hình là mô hình nuôi tôm lúa của anh Lâm Thanh Tuấn xã Ngọc Đông - Mỹ Xuyên, nông dân Sóc Trăng không chặt phá rừng để mở rộng diện tích mặt nước ao vuông nuôi, mà đã từng bước khôi phục lại rừng, trồng thêm cây ăn trái như dừa, chuối, măng cầu xiêm, sơ ri ... màu xanh cây kinh tế đã thay dần cánh đồng khô cằn.

Mô hình trên đã khơi dậy mạnh mẽ tính cần cù chịu thương chịu khó, ham mê lao động, đã gắn kết chặt chẽ nông dân với ruộng lúa, ao tôm, vườn cây ... có việc làm quanh năm, tăng thêm nguồn thu nhập, nghèo khó nhất định sẽ lui dần, thay vào đó là những ngôi nhà xây ngói mới khang trang.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, với phương châm Nhà nước nhân dân cùng làm thủy lợi, điện, đường, trường, trạm, chợ nông thôn, rồi đây khí hậu sẽ ôn hòa, cây xanh rợp mát đường làng, sinh thái môi trường sạch - xanh sẽ là bầu sữa mát thơm dành cho nhân loại.

**Nguyễn Đại Lượng -
Sở Thủy sản Sóc Trăng**

đổi của môi trường, sống thích ứng ở vùng nước có độ mặn từ 11 - 41‰ và nhiệt độ nước từ 22 - 28°C. Nhiệt độ nước dưới 18°C, cá song giảm ăn, dưới 15°C thân cá mất thăng bằng.

NUÔI CÁ SONG

Những đặc điểm trên đây của cá song rất cần được người làm nghề nuôi cá song

chú ý trong khi vận chuyển cá song giống, trong sản xuất thức ăn nhân tạo cho cá song cũng như lựa chọn thời gian nuôi và kỹ thuật nuôi cá song.

Để đáp ứng nhu cầu thực phẩm cá song ngày càng tăng, cần cho để nhân tạo con giống cá song và tổ chức nuôi cá song thịt.

Hiện nay, có một số hình thức nuôi cá song thịt, phổ biến nhất là hình thức nuôi theo kiểu đắp bờ : Khu vực bãi biển nông, đắp bờ bao thành ao nuôi, có để cửa thoát nước. Việc thay nước trong ao nhờ vào sự lên xuống của thủy triều. Đáy ao để gạch rỗng, đá hoặc vật có thể làm chỗ trú ẩn nhân tạo cho cá song như lốp xe cũ, ống nhựa ... giữ độ sâu nước trong ao luôn trên một mét.

Hà Trang



Được sự đồng ý của Bộ
Thủy sản và sự hỗ trợ
của Vụ Nghề cá Bộ

Thủy sản, ngày 2 tháng 6 năm
2000, Ban đại diện Hội nuôi thủy

sản ở miền Bắc mở lớp tập huấn nuôi cá tra tại
trại cá xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Hà Nội.

Tới dự lớp tập huấn có 49 đại biểu gồm có các
hộ nông dân nuôi cá ao, lồng có kinh nghiệm, đại
biểu các Trung tâm Khuyến nông, Trung tâm, trại
giống thủy sản các tỉnh Hà Tây, Hà Nội, Bắc Ninh,
Bắc Giang, Hải Phòng và có đồng chí Giám đốc,
Phó giám đốc nhà máy Chế biến thủy đặc sản XK
(37) SEAPRODEX Hà Nội. Nội dung chủ yếu của
lớp là phổ biến, trao đổi kỹ thuật nuôi cá tra và
tham quan thực tế ương cá tra từ hương lên giống
tại trại cá Nội Bài của Trung tâm Dịch vụ giống
thủy sản thuộc Hội.

MỞ LỚP TẬP HUẤN NUÔI CÁ TRA

Qua trao đổi kỹ thuật
và tham quan thực tế, các
đại biểu thống nhất xác
định cá tra chuyển từ miền
Nam ra miền Bắc nuôi 1 vụ

năng ẩm là thích hợp, năm nay cần nuôi thí điểm
một số mô hình ao, lồng, rút kinh nghiệm để tới
năm 2001 sẽ phát triển trên qui mô rộng lớn.

Sau lớp tập huấn, Ban đại diện Hội giao cho
Trung tâm Dịch vụ giống thủy sản của Hội chuyển
giống cá tra ra cung ứng cho các mô hình nuôi cá
thịt, đến ngày 14 tháng 6 năm 2000. Trung tâm đã
cung ứng cho HTX Đại Thọ, huyện Đan Phượng,
tỉnh Hà Tây, huyện Hoàng Long, tỉnh Ninh Bình,
nuôi mô hình thí điểm cá lồng Bắc Ninh, Hà Nội
nuôi một số mô hình cá ao, số lượng cá cung ứng
cho mô hình là 6.000 con kích cỡ cá từ 4 - 5 cm.

Lê Hữu Nhặt - HNTSVN

Hiện nay trên thị trường
có bán nhiều hoá chất
và chế phẩm sinh học dùng để

diệt tạp và kích thích tôm tăng trưởng, trong đó có
bánh hạt trà, đã có nhiều độc giả viết thư và điện
thoại hỏi về nguồn gốc, tác dụng của bánh hạt trà,
phương pháp sử dụng và có thể mua ở đâu. Để
đáp ứng nhu cầu, chúng tôi xin cung cấp một số
thông tin chính về bánh hạt trà.

Bánh hạt trà hay còn gọi là bánh bã trà (có
tên gọi khác là Kung Thoong, Tôm vàng, Tea
seed powder ...). Nguyên liệu chủ yếu để sản xuất
bã trà là bột của hạt trà qua sơ chế, đó là chất lấy
từ tự nhiên nên rất an toàn cho tôm cũng như môi
trường sống và giá thành sản phẩm lại thấp.

Trong thành phần của bã trà có chất hoá học
saponin, đây chính là chất làm cho bã trà có hoạt
tính khi sử dụng. Tính độc của chất này đối với cá
cao hơn rất nhiều so với giáp xác, ví dụ ở cùng
một nồng độ gây chết cho cá chép (*Cyprinus
carpio*) 100% hoặc cá quả (*Ophiocephalus
striatus*) 30% thì tôm càng xanh *Macrobrachium
roenbergii*) mới bắt đầu chết. Vì vậy, bánh hạt trà
thường được sử dụng để diệt cá tạp trong ao nuôi
tôm. Đồng thời, ở nồng độ thấp chưa đủ để gây
chết cho tôm thì bánh hạt trà lại có tác dụng tốt là
nó kích thích tôm lột xác và tăng trưởng nhanh.
Trong một số trường hợp, bánh hạt trà còn có tác
dụng dùng để gây màu nước và giữ cân bằng pH
của môi trường nước.

Thông thường trên bao bì đóng gói bánh hạt
trà đều có nhãn ghi tác dụng và hướng dẫn cách
sử dụng, liều lượng sử dụng bánh hạt trà từ 10 -
15g cho 1m³ nước để diệt cá tạp trong các ao
đầm nuôi tôm. Điều đáng lưu ý là nồng độ hữu

BÁNH HẠT TRÀ

hiệu của bánh hạt trà phụ thuộc
vào độ mặn của nước. Ví dụ, liều
lượng sử dụng để có hiệu quả nhất

là ở độ muối 10 - 20‰ hoặc thấp hơn là nồng độ
15 g/m³ hoặc khi độ mặn của nước từ 20 - 30‰
hoặc cao hơn ta nên sử dụng nồng độ 10g/m³.

Để bánh hạt trà phát huy tác dụng một cách
tốt nhất, trước khi bón xuống ao, chúng phải được
ngâm trong nước từ 12 đến 24 giờ để cho chất
saponin thôi ra nước, sau đó dùng cả nước và bã.
Có 2 cách bón như sau :

- Nếu bón với mục đích gây màu nước thì chất
lấy nước bã trà té khắp mặt nước vào lúc buổi sáng
có ánh nắng (9 - 11 giờ sáng), lượng bã trà còn lại
cho vào những túi nhỏ treo ở những nơi đầu dòng
nước, đối với ao nuôi tôm có máy quạt nước thì treo
túi bã trà ở trước máy. Sau khi bón nước ngâm bã
trà 6 giờ, có thể lấy thêm nước vào ao.

- Nếu bón bánh hạt trà với mục đích diệt cá
tạp thì lấy một nửa bã trà đã ngâm té khắp ao lúc
5 - 6 giờ sáng, sau khoảng 30 phút đến 1 giờ cá
sẽ vào xung quanh bờ ao rất nhiều, dùng sớ còn
lại té xung quanh bờ ao sẽ diệt cá tạp triệt để hơn.
Sau khi bón bã trà 6 giờ có thể thêm nước hoặc
thay nước.

Hiện nay các loại bánh hạt trà đang lưu thông
trên thị trường là do các công ty của nước ngoài
sản xuất như Thái Lan, Mỹ, Pháp. Chúng tôi xin
giới thiệu một cơ sở kinh doanh bã hạt trà là Công
ty TNHH Minh Hải, địa chỉ F5/1 Phường Long
Tân Bình, Biên Hoà, Đồng Nai, điện thoại :
061-834716.

Hà Thanh Tùng

VĂN BẢN MỚI BAN HÀNH

QUYẾT ĐỊNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ VỀ SỬ DỤNG HỆ QUY CHIẾU VÀ HỆ TOẠ ĐỘ QUỐC GIA VIỆT NAM

Ngày 12 tháng 7 năm 2000 Thủ tướng Chính phủ Phan Văn Khải đã ra Quyết định số 83/2000/QĐ-TTg về sử dụng Hệ quy chiếu và Hệ toạ độ quốc gia Việt Nam. Quyết định gồm 5 điều:

Điều 1.- Nay sử dụng Hệ quy chiếu và Hệ toạ độ quốc gia mới thay thế Hệ quy chiếu và Hệ toạ độ quốc gia Hà Nội - 72 đang sử dụng với các nội dung sau đây :

1/ Tên Hệ quy chiếu và Hệ toạ độ quốc gia mới : VN - 2000.

2/ Hệ quy chiếu và Hệ toạ độ quốc gia VN-2000 có các tham số chính như sau :

a) Ê-líp-xô-it quy chiếu : Hệ quy chiếu quốc tế WGS-84 toàn cầu có kích thước như sau :

* Bán trục lớn : $a = 6.378.137,000\text{m}$

* Độ dẹt : $f = 1/298,257223563$

b) Điểm gốc toạ độ quốc gia : điểm N00 đặt trong khuôn viên Viện Nghiên cứu Địa chính, đường Hoàng Quốc Việt, Hà Nội.

c) Lưới chiếu toạ độ phẳng cơ bản : lưới chiếu hình trụ ngang đồng góc UTM quốc tế.

d) Chia múi và phân mảnh hệ thống bản đồ cơ bản : theo hệ thống lưới chiếu hình trụ ngang đồng góc UTM quốc tế, danh pháp tờ bản đồ theo hệ thống hiện hành có chú thích danh pháp UTM quốc tế.

3. Toạ độ, độ cao các điểm trắc địa quốc gia các cấp hạng trong Hệ VN-2000 do Tổng cục Địa chính tính toán và cấp cho các cơ quan, đơn vị có nhu cầu sử dụng theo quy định hiện hành.

Điều 2.- Hệ VN - 2000 thay thế Hệ Hà Nội - 72 được áp dụng thống nhất trên toàn quốc cho tất cả các loại tư liệu đo đạc - bản đồ bắt đầu từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

Điều 3.- Giao Tổng cục Địa chính tổ chức hướng dẫn áp dụng Hệ Quy chiếu và Hệ toạ độ

quốc gia mới VN - 2000 thống nhất trong cả nước.

Điều 4.- Quyết định này có hiệu lực sau 30 ngày kể từ ngày ký.

Điều 5.- Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ THỦY SẢN VỀ VIỆC THÀNH LẬP TRUNG TÂM KHUYẾN NGƯ TRUNG ƯƠNG

Ngày 7 tháng 7 năm 2000, Bộ trưởng Bộ Thủy sản đã ký ban hành Quyết định số 590/2000/QĐ-BTS về việc thành lập Trung tâm Khuyến ngư Trung ương.

Theo Quyết định nói trên, Trung tâm Khuyến ngư Trung ương là đơn vị sự nghiệp, có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng và tài khoản tại kho bạc Nhà nước.

Trung tâm Khuyến ngư Trung ương có nhiệm vụ xây dựng, chỉ đạo và tổ chức thực hiện các chương trình, dự án khuyến ngư quốc gia, kế hoạch hoạt động khuyến ngư; Hướng dẫn các địa phương, các tổ chức khuyến ngư tự nguyện xây dựng và thực hiện các chương trình, dự án khuyến ngư; Tham gia thẩm định để Bộ phê duyệt các chương trình, dự án khuyến ngư theo quy định của Bộ; Tổ chức phổ biến và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, kinh nghiệm tiên tiến, bồi dưỡng kỹ năng, kiến thức kỹ thuật và quản lý kinh tế; Phối hợp cung cấp thông tin cho ngư dân; Quan hệ với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để thu hút vốn, công nghệ, nhân lực hoặc tham gia trực tiếp hoạt động khuyến ngư; Theo dõi, tổng kết phong trào khuyến ngư trong toàn ngành; Bảo đảm thi hành đúng chủ trương, chính sách khuyến ngư của Nhà nước, ...

Trung tâm Khuyến ngư Trung ương có Giám đốc, Phó Giám đốc giúp việc, Kế toán trưởng và các cán bộ công chức chuyên môn.

GIỚI THIỆU SÁCH MỚI

1- **Đặc điểm sinh học và sản xuất giống nhân tạo cá bống tượng *Oxyelestris marmoratus*(Bleeker):** Luận văn cao học ngành nuôi trồng thủy sản/Nguyễn Hữu Tân.- Nha Trang:Trường Đại học thủy sản,1998.-77tr,24cm

Nêu đặc điểm sinh học của cá bống tượng, gồm các đặc điểm về phân loại, sinh thái, phân bố, dinh dưỡng, sinh trưởng và sinh sản, trình bày kỹ thuật sản xuất giống, ương cá con và nuôi cá thịt; Nghiên cứu bệnh của cá bống tượng và cách phòng trị

BC861

2- **Biến động một số yếu tố môi trường trong ao nuôi tôm sú *Penaeus monodon* (fabricius 1798) tại Quý Kim, Hải Phòng.** Luận văn thạc sĩ ngành nuôi trồng thủy sản. Mã số 4.05.02/Phạm Khánh Ly.- Bắc Ninh: Viện nghiên cứu nuôi trồng thủy sản I,1999.-85tr,24cm

Trình bày kết quả nghiên cứu xác định sự biến động một số yếu tố thủy lý, thủy hoá, đánh giá mức độ biến đổi chất lượng nước trong ao nuôi tôm sú theo thời gian và tìm hiểu mối quan hệ tương tác giữa yếu tố môi trường và năng suất tôm nuôi trong ao tại Quý Kim, Hải Phòng

BC860

3- **Góp phần phát triển kỹ thuật siêu đực trên cá rô phi *Oreochromis niloticus* L. dòng Việt Nam.** Luận án thạc sĩ nuôi trồng thủy sản . Mã số 4.05.01/Nguyễn Hồng Hải.- Bắc Ninh:Viện nghiên cứu NTTS1,1999.- 61tr, 24cm

Trình bày những nghiên cứu chính liên quan đến giai đoạn đầu tiên trong quá trình công nghệ tạo cá siêu đực trên cá rô phi vằn *Oreochromis niloticus* dòng Việt Nam, đó là: Biến dị tỉ lệ giới tính, thử nghiệm tạo quần đoàn cá toàn cá cái bằng sử dụng thức ăn có trộn hooc môn *Diethylstilboestrol* và so sánh tốc độ sinh trưởng của quần đoàn đơn tính đực O.Niloticus dòng Việt nam với các quần đoàn đơn tính đực của các dòng cá khác trong cùng một điều kiện nuôi

BC859

4- **Điều tra nguồn lợi rong biển kinh tế ở Hà Tiên- Kiên Giang.** Luận án thạc sĩ nuôi trồng thủy sản. Mã số 4.05.02/Thiều Lư.- Nha Trang: Trường Đại học thủy sản, 1998.- 76tr, 24cm

Luận án trình bày các khía cạnh nghiên cứu về điều kiện tự nhiên, các yếu tố môi trường nước biển ven bờ, điều tra các giống loài rong biển và sinh vật lượng của các loài rong biển kinh tế ở Hà Tiên tỉnh Kiên Giang

BC858

5- **Nghiên cứu một số chỉ tiêu huyết học liên quan đến trạng thái sinh lý cá trắm cỏ *Ctenopharyngodon idell* C & V).** Luận án phó tiến sĩ khoa học nông nghiệp. Chuyên ngành nuôi cá nước ngọt và nghề cá nước ngọt. Mã số 4.05.02/Lưu Thị Dung.- Nha Trang:Trường Đại học Thủy sản, 1996.-127tr, 24cm

Trình bày kết quả nghiên cứu xác định một số chỉ tiêu huyết học cơ bản của cá trắm cỏ và mối quan hệ giữa chúng với sinh trưởng, đồng thời xác định những chỉ tiêu huyết học liên quan đến sinh sản, đến khả năng chịu đựng của cá đối với biến động của một số yếu tố môi trường và liên quan đến bệnh lở loét do vi khuẩn *aeromonas hydrophyla* gây ra

BC863

6- **Nghiên cứu sử dụng phụ phẩm tôm làm thức ăn cho cá rô phi *Oreochromis niloticus* ở Thừa Thiên Huế.** Luận văn thạc sĩ ngành nuôi trồng thủy sản/Tôn Thất Chất.- Bắc Ninh:Trường Đại học thủy sản, 1999.- 75tr, 24cm

Nội dung gồm: điều tra mùa vụ thu hoạch, thành phần giống loài, lượng nguyên liệu và phụ phẩm tôm của một số nhà máy đông lạnh tại địa bàn Thừa Thiên Huế; Xác định thành phần dinh dưỡng của một số phế phụ phẩm tôm; Đánh giá khả năng thay thế bột cá bằng bột phụ phẩm tôm làm thức ăn cho cá rô phi giai đoạn hương lên giống và giai đoạn nuôi cá thịt

BC862

SUMMARY

FISH RESOURCES AT SPRATLEY ARCHIPELAGO

(Page 8) The Spratley archipelago consists of 100 islands, in which 42 ones were named and 23 islands rises on the surface. The largest island has an area of 0.5 - 0.6 km². Under a survey carried out in 1995 - 1997, there were 91 fish species belonging to 28 families found in this region. Tuna, mackerel, grouper, mullet, shark and squid are main species concentrating in the area. Estimated reserve of pelagic fish species is about 20,000 T/year. Moreover, this region is suitable for marine aquaculture. It needs to make plan on research and development of fisheries at Spratley archipelago.

TECHNIQUE OF CATCHING FISH LIVING NEAR REEFS

(Page 9) Demersal fish species with high economic value usually live in a place where there are many reefs and coral reefs. The use of hook and line for catching this fish species is most popular method in many countries. There are two kinds of longliners. The one is specialized in longline and the other operates longline as second fishery. Hook and bait are simple and easy to make up. However, Technique of fishing and experience are important to get high efficiency. An average yield could be 159 - 160 kg per day.

SEMI-INTENSIVE AND INTENSIVE CULTURE OF SHRIMP IN MEKONG RIVER DELTA

(Pages 14 -15) Success in artificial reproduction of black tiger shrimp made contribution to promotion of this kind of shrimp culture in Mekong river delta, especially since 1997. In 1999, thanks to expansion of area for aquaculture and application of semi-intensive and intensive culture of black tiger shrimp, efficiency of culturing was improved. However, epidemic diseases caused great damage to this culture because of lack of planning and technology of farming, unassured source of seed and low quality of feed.

THE USE OF SF9 INSECT CELL LINE FOR STUDYING AND DIAGNOSING BACULO-VIRUSES OF SHRIMP

(Pages 16 - 17) In Vietnam, virus diseases of shrimp have spread rapidly in shrimp culture, especially in the Mekong delta. It caused great damages to farmers. The SF9 insect cell line was used to find out a method of fast diagnosing baculoviral diseases in shrimp. Obtained result created initial premiss for following study on cure of virus diseases in shrimp.

A MODEL OF RICE-SHRIMP CULTURE IN SOC TRANG PROVINCE

(Page 23) Shrimp culture started developing in Soc Trang province in 1980. Recently, Soc Trang developed a model of shrimp culture in rice-field aimed to take advantage of potentiality of this salt-marsh area and protection of environment. This model of culture had rather high productivity and has made good contribution to Soc Trang's economy.

Tiếp phân giới thiệu văn bản

VIỆT NAM VÀ MỸ KÝ HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI

Ngày 13-7 tại Oasinhton, Bộ trưởng Thương mại CHXHCN Việt Nam Vũ Khoan và Đại diện Thương mại thuộc Phủ Tổng thống Hoa Kỳ, bà Chaslene Barshefsky, đã thay mặt Chính phủ hai nước ký Hiệp định Thương mại giữa hai nước.

Tham dự lễ ký có đoàn đàm phán của hai nước, đại diện giới kinh doanh Mỹ, Đại sứ nước ta tại Hoa Kỳ Lê Văn Bằng và Đại sứ Hoa Kỳ tại Việt Nam P. Peterson.

Hiệp định được ký mang tính đồng bộ, đề cập một cách toàn diện tới các vấn đề kinh tế - thương

mại như thương mại hàng hoá, dịch vụ, đầu tư và sở hữu trí tuệ.... Hiệp định dựa trên nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi, tôn trọng độc lập chủ quyền của nhau, theo các quy tắc và tiêu chuẩn của Tổ chức Thương mại thế giới.

Sau lễ ký, Tổng thống Mỹ Bill Clinton đã tiếp và nói chuyện thân mật với Bộ trưởng Vũ Khoan tại Nhà trắng. Tại cuộc gặp, hai bên coi việc ký hiệp định thương mại là một sự kiện có ý nghĩa quan trọng hoàn tất quá trình bình thường hoá quan hệ kinh tế, thương mại giữa hai nước.